

ĐIỂM THI CUỐI HỌC KỲ I - KHỐI 10

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
1	000727	Đặng Trịnh Minh ANH	14/06/2010	10A1	5.4	3	8.4	6.8	0.3	3.5	1.8	5.6	5.8	0.75	6.6	5.0	1.25	6.3				5.0	2.25	7.3							
2	000729	Lâm Bình An	30/08/2010	10A1	5.0	2.5	7.5	7	0.7	4.2	3	7.9	6.0	1.25	7.3	5.3	2.25	7.6				6.0	2.75	8.8							
3	000731	Lâm Quỳnh Anh	25/09/2010	10A1	3.4	2.25	5.7	5.8	0.2	3.3	2.6	6.1	4.3	0	4.3	3.3	0.5	3.8				3.5	1.25	4.8							
4	000734	Phan Hoài Anh	30/05/2010	10A1	4.7	2.75	7.5	6.5	0.3	3.6	2.6	6.5	5.5	1.5	7.0	4.0	2	6.0				6.3	3	9.3							
5	000738	Lâm Gia Bảo	15/06/2010	10A1	3.4	2.5	5.9	5.5	0.2	3.0	2.2	5.4	6.3	1	7.3	3.5	1	4.5				6.0	2.5	8.5							
6	000739	Nguyễn Gia Bảo	06/02/2010	10A1	5.2	3	8.2	4.5	0.2	3.5	3	6.7	5.8	2.25	8.1	4.8	2.5	7.3				4.1	0.25	4.4							
7	000741	Trần Đặng Gia Bảo	21/10/2010	10A1	5.9	3	8.9	5.8	0.4	3.2	2.6	6.2	6.5	1.5	8.0	4.8	2.5	7.3				5.8	2.5	8.3							
8	000742	Hà Minh Châu	06/10/2010	10A1	2.8	2.75	5.6	3.5	0.4	3.5	2.2	6.1	6.3	1.25	7.6	3.0	1	4.0				5.0	2	7.0							
9	000744	Nguyễn Bảo Châu	21/10/2010	10A1	5.8	3	8.8	6.8	0	3.3	3	6.3	6.0	2.5	8.5	5.5	3	8.5				6.8	2.75	9.6							
10	000745	Trần Lê Bảo Châu	24/12/2010	10A1	4.5	2.25	6.8	4	0.2	3.8	1	5	6.3	2.25	8.6	4.8	2.25	7.1				7.0	2	9.0							
11	000747	Nguyễn Văn Dũng	25/07/2010	10A1	4.3	1.75	6.1	6.3	0.4	2.9	2.6	5.9	6.5	2.5	9.0	4.8	2.25	7.1				5.5	2.25	7.8							
12	000749	Nguyễn Quang Đoàn	23/03/2010	10A1	4.3	2.5	6.8	5	0.1	3.2	1.4	4.7	5.3	2.25	7.6	4.5	1	5.5				5.3	2.5	7.8							
13	000750	Lê Ngọc Bảo Đức	29/03/2010	10A1	2.8	2.5	5.3	4.8	0.1	3.5	2.2	5.8	5.3	0.75	6.1	2.9	1	3.9				5.5	2	7.5							
14	000753	Hồ Huy Hoàng	18/11/2010	10A1	3.5	2.5	6.0	4.8	0.2	3.3	2.6	6.1	5.0	1.5	6.5	3.6	1	4.6				4.8	2.25	7.1							
15	000754	Nguyễn Minh Hoàng	25/05/2010	10A1	6.1	3	9.1	8	0.4	4.4	3	7.8	6.8	2.5	9.3	6.5	3	9.5				6.8	3	9.8							
16	000757	Phạm Tài Huy	05/07/2010	10A1	4.9	2.25	7.2	7	0.6	3.8	3	7.4	6.0	1.25	7.3	4.0	1	5.0				6.3	2.25	8.6							
17	000758	Trương Gia Huy	17/03/2010	10A1	5.6	3	8.6	4.8	0.4	3.3	2.2	5.9	6.5	3	9.5	6.0	2.5	8.5				6.5	2.75	9.3							
18	000760	Trần Hoàng Khang	06/01/2010	10A1	3.1	2.5	5.6	5.8	0.3	2.6	0.6	3.5	5.3	0.5	5.8	2.8	1	3.8				7.0	1	8.0							
19	000762	Đoàn Tuấn Khoa	15/03/2010	10A1	4.0	3	7.0	5.5	0.2	3.0	2.8	6	6.5	1.5	8.0	5.0	1.5	6.5				5.8	2	7.8							
20	000764	Võ Minh Khoa	07/06/2010	10A1	4.3	2	6.3	6	0.4	3.3	1.8	5.5	6.0	0.75	6.8	2.0	1	3.0				6.0	2	8.0							
21	000767	Phạm Gia Lâm	10/08/2010	10A1	5.2	2.25	7.5	4.8	0.9	3.9	0	4.8	6.0	1.75	7.8	4.5	2.5	7.0				5.5	1.75	7.3							
22	000768	Phạm Thị Mỹ Lệ	14/11/2010	10A1	4.3	2.5	6.8	8.8	0.2	2.9	2.2	5.3	5.3	1.25	6.6	4.3	2.25	6.6				4.4	3	7.4							
23	000771	Lê Ngọc Xuân Mai	14/02/2010	10A1	4.9	2.5	7.4	7.5	0.1	3.8	3	6.9	6.0	1.25	7.3	3.9	2	5.9				6.3	3	9.3							
24	000774	Vũ Nhật Minh	01/01/2010	10A1	4.3	1.75	6.1	4.8	0.5	3.6	2	6.1	6.3	1.5	7.8	3.5	2.25	5.8				5.3	1.5	6.8							
25	000776	Phan Đức Nam	13/07/2010	10A1	4.9	3	7.9	5.8	0.3	3.5	3	6.8	6.3	1.75	8.1	4.9	1	5.9				5.1	2.75	7.9							
26	000777	Tô Văn Nghĩa	22/08/2010	10A1	4.7	2.5	7.2	4.5	0.4	2.1	1	3.5	4.8	1	5.8	3.8	1.5	5.3				3.9	0.75	4.7							
27	000778	Đặng Hoàng Khánh Ngọc	16/11/2010	10A1	3.5	2	5.5	6	0.1	2.6	1	3.7	4.0	0	4.0	2.5	0.5	3.0				4.8	2.25	7.1							
28	000779	Lý Bắc Ninh	17/04/2010	10A1	4.2	3	7.2	5	0.3	3.5	3	6.8	6.5	1.75	8.3	4.5	2.5	7.0				5.8	2.75	8.6							
29	000780	Phạm Minh Phát	19/02/2010	10A1	2.0	2	4.0	5	0.2	2.3	0.8	3.3	4.8	0	4.8	3.3	2	5.3				4.5	1	5.5							
30	000782	Nguyễn Thiên Phúc	06/11/2010	10A1	4.5	2.5	7.0	4.5	0.4	3.6	2.2	6.2	5.8	2	7.8	2.4	1.5	3.9				5.5	1.75	7.3							
31	000783	Bùi Hữu Phước	17/02/2010	10A1	2.8	1.5	4.3	4.8	0.2	3.2	1	4.4	4.5	0	4.5	3.5	1	4.5				3.5	1	4.5							
32	000785	Trần Như Duy Phương	20/08/2010	10A1	4.8	1.25	6.1	5	0.2	3.5	1.8	5.5	5.0	0.75	5.8	3.0	0.5	3.5				5.3	2	7.3							
33	000786	Nguyễn Anh Quân	09/06/2010	10A1	3.6	1.5	5.1	5	0.4	2.7	1	4.1	4.8	0.25	5.1	2.8	1.25	4.1				5.8	2	7.8							
34	000790	Hà Thị Khánh Tâm	13/09/2010	10A1	4.6	3	7.6	6.5	0.6	3.3	2.6	6.5	6.0	2.5	8.5	5.8	2.25	8.1				6.3	3	9.3							
35	000792	Trần Phan Quốc Thắng	27/11/2010	10A1	3.5	2.25	5.8	4.5	0.3	2.9	2.4	5.6	3.5	0	3.5	3.1	1.25	4.4				4.0	2	6.0							
36	000795	Huỳnh Phúc Thịnh	07/04/2010	10A1	4.1	1.75	5.9	3.8	0.8	3.5	2.2	6.5	5.8	2	7.8	3.3	0.75	4.1				6.3	1	7.3							
37	000797	Nguyễn Võ Trường Thịnh	02/11/2009	10A1	4.4	3	7.4	5.8	0.2	2.4	1.2	3.8	5.8	1.5	7.3	2.3	1.5	3.8				4.8	0.75	5.6							
38	000801	Nguyễn Hoàng Thị Diễm Trang	14/01/2010	10A1	3.9	1.75	5.7	6.8	0.2	2.3	2.2	4.7	4.8	0	4.8	4.3	1	5.3				4.4	3	7.4							
39	000804	Nguyễn Phú Trọng	04/04/2010	10A1	2.8	2.25	5.1	4.8	0.3	4.1	1.8	6.2	4.5	1.75	6.3	2.8	1.75	4.6				4.9	1.75	6.7							
40	000806	Nguyễn Thanh Trúc	17/03/2010	10A1	4.3	2.5	6.8	5.8	0.3	3.0	3	6.3	6.3	1.75	8.1	4.8	1	5.8				5.5	2	7.5							
41	000807	Trần Nguyễn Nhất Trung	25/10/2010	10A1	3.9	1.75	5.7	4.3	0.3	2.0	1.8	4.1	4.8	1	5.8	1.8	0.75	2.6				5.0	1	6.0							
42	000808	Nguyễn Tuấn Tú	22/09/2010	10A1	4.3	2.75	7.1	5	0.2	3.5	2.4	6.1	6.5	2.5	9.0	3.8	1.25	5.1				5.5	2.25	7.8							
43	000813	Nguyễn Hoàng Việt	30/08/2010	10A1	4.3	2.5	6.8	4.5	0.3	2.3	2	4.6	4.5	2	6.5	4.3	0.5	4.8				4.6	1	5.6							
44	000814	Nguyễn Xuân Vinh	20/01/2010	10A1	4.9	3	7.9	5.3	0.9	5.1	2.6	8.6	6.3	2.75	9.1	5.0	1.5	6.5				7.0	3	10.0							
45	000815	Thiều Quang Vinh	25/09/2010	10A1	2.4	1.25	3.7	5.5	0.2	2.6	1	3.8	3.5	0	3.5	1.4	0.5	1.9				5.3	2.75	8.1							
46	000817	Huỳnh Thảo Vy	15/03/2010	10A1	4.1	2.75	6.9	6.8	0.2	3.3	2.2	5.7	5.8	1.5	7.3	2.5	1.5	4.0				6.0	2.25	8.3							
47	000728	Hoàng Gia An	04/05/2010	10A2	5.2	3	8.2	5	0.2	3.6	3	6.8	5.5	2	7.5	4.0	2	6.0				5.8	2	7.8							

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
48	000730	Trần Xuân Bình An	08/11/2010	10A2	4.5	3	7.5	7.3	0.3	3.2	2.2	5.7	6.5	2	8.5	6.5	3	9.5				7.0	2.75	9.8							
49	000732	Lê Đức Anh	11/02/2010	10A2	5.5	3	8.5	6.8	0.2	3.0	2.2	5.4	5.5	2.25	7.8	4.4	2.75	7.2				5.8	2.25	8.1							
50	000733	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	01/08/2010	10A2	4.1	2.75	6.9	7.5	0.4	3.3	2.2	5.9	5.5	1.75	7.3	4.5	2	6.5				6.3	1.25	7.6							
51	000735	Phan Ngọc Minh Anh	23/10/2010	10A2	4.3	2.75	7.1	5.5	0.6	3.3	1.8	5.7	5.0	1	6.0	3.3	1.5	4.8				4.5	1	5.5							
52	000736	Trần Tuấn Anh	30/08/2010	10A2	3.3	1.75	5.1	5.3	0.5	2.9	1.8	5.2	4.8	1.5	6.3	3.8	1	4.8				5.8	1.75	7.6							
53	000737	Huỳnh Nguyễn Gia Bảo	20/08/2010	10A2	3.7	1.75	5.5	5	0.4	2.9	2.2	5.5	5.5	1.5	7.0	3.5	1	4.5				4.0	1.5	5.5							
54	000740	Nguyễn Gia Bảo	12/05/2010	10A2	3.1	2.25	5.4	5	0.2	2.3	2.2	4.7	4.3	1	5.3	4.8	0.25	5.1				5.3	2	7.3							
55	000743	Hoàng Cao Bảo Châu	07/12/2010	10A2	3.4	0.75	4.2	2	0.2	3.2	2.6	6	4.5	1.5	6.0	3.0	0.25	3.3				4.4	0.75	5.2							
56	000746	Nguyễn Mạnh Cường	01/08/2010	10A2	4.5	1.75	6.3	5.3	0.5	3.5	2.2	6.2	5.3	1.75	7.1	2.8	1.25	4.1				4.3	1	5.3							
57	000748	Nguyễn Văn Thành Đạt	01/12/2010	10A2	3.1	2	5.1	5	0.3	3.3	1.6	5.2	4.8	1.25	6.1	3.3	1	4.3				4.6	1.75	6.4							
58	000751	Nguyễn Phú Hải	11/12/2008	10A2	3.3	1.75	5.1	4.5	0.2	2.0	1.2	3.4	5.0	1	6.0	2.1	0.75	2.9				6.0	1.75	7.8							
59	000752	Nguyễn Ngọc Hiền	20/09/2010	10A2	4.1	2.75	6.9	6.5	0.3	3.3	2.6	6.2	5.0	1.5	6.5	4.1	2.25	6.4				6.0	2	8.0							
60	000755	Nguyễn Hoàng Gia HUY	28/07/2010	10A2	4.4	3	7.4	5.8	0.4	2.4	1.8	4.6	5.5	0.5	6.0	3.8	1.5	5.3				6.5	1.5	8.0							
61	000756	Dũ Bách Hùng	26/05/2010	10A2	4.1	3	7.1	5.8	0.6	3.5	1.8	5.9	5.8	2	7.8	5.4	2.5	7.9				5.0	2	7.0							
62	000759	Đoàn Gia Khang	29/08/2010	10A2	5.4	2.5	7.9	4.8	0.3	3.5	2.6	6.4	5.5	2	7.5	2.8	1.25	4.1				5.8	2	7.8							
63	000761	Phạm Gia Khiêm	12/10/2010	10A2	3.0	2	5.0	5.8	0.3	2.4	1.6	4.3	5.0	1	6.0	2.0	1.25	3.3				5.1	2.5	7.6							
64	000763	Hồ Đăng Khoa	02/09/2010	10A2	5.7	2	7.7	5.8	0.5	2.9	2	5.4	5.5	2	7.5	5.0	2.25	7.3				4.8	2	6.8							
65	000765	Ngô Quốc Kiệt	04/11/2010	10A2	4.7	3	7.7	5.8	0.3	3.2	1.4	4.9	6.0	1.5	7.5	4.5	0.75	5.3				5.8	1	6.8							
66	000766	Nguyễn Hoàng Vương Lâm	19/07/2010	10A2	3.2	3	6.2	5.5	0.5	2.7	1.8	5	5.8	1.75	7.6	3.0	1	4.0				4.8	1.25	6.1							
67	000769	Nguyễn Nhật Linh	25/01/2010	10A2	V	Vắng	Vắng	Vắng	vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng				V	Vắng	Vắng							
68	000770	Đặng Thị Tuyết MAI	06/01/2010	10A2	4.1	3	7.1	6.5	0.4	3.2	2.2	5.8	6.3	2.5	8.8	5.8	3	8.8				6.3	3	9.3							
69	000772	Nguyễn Huy Mạnh	20/07/2010	10A2	3.3	3	6.3	4.3	0.5	2.3	1.8	4.6	6.5	1.5	8.0	3.9	0	3.9				3.8	1	4.8							
70	000773	PHAN THANH MINH	27/09/2009	10A2	4.6	2.75	7.4	5	0.5	2.7	2.2	5.4	6.5	1	7.5	4.1	2.5	6.6				6.5	2.5	9.0							
71	000775	Nguyễn Hoàng Hải My	29/04/2010	10A2	4.9	3	7.9	7	0.4	2.9	2.2	5.5	6.8	2	8.8	5.3	1.25	6.6				6.8	2.75	9.6							
72	000781	Nguyễn Thiên Phúc	12/07/2010	10A2	5.6	3	8.6	4.5	0.4	3.3	1.8	5.5	5.8	1	6.8	4.0	1.5	5.5				5.4	1.75	7.2							
73	000784	Nguyễn Thị Ngọc Phương	13/11/2010	10A2	3.6	2.5	6.1	4.5	0.4	2.7	2.2	5.3	5.3	1.5	6.8	3.0	1	4.0				4.8	2.75	7.6							
74	000787	Phạm Võ Minh Quân	02/05/2010	10A2	3.9	2.5	6.4	4	1	5.6	3	9.6	5.0	1.5	6.5	3.0	1.75	4.8				3.8	1	4.8							
75	000788	Nguyễn Trường Sơn	07/03/2010	10A2	3.9	2	5.9	1.5	0.2	2.7	0.8	3.7	3.8	0.75	4.6	4.0	1.25	5.3				4.5	1	5.5							
76	000789	Bùi Thị Thanh Tâm	11/02/2010	10A2	3.0	2.5	5.5	4.5	0.3	3.3	2.2	5.8	4.5	0.5	5.0	4.3	1.5	5.8				4.6	2.75	7.4							
77	000791	Võ Minh Thành	21/06/2010	10A2	4.7	3	7.7	6.5	0.5	3.6	2.6	6.7	6.5	1.75	8.3	5.0	1	6.0				4.5	3	7.5							
78	000793	Nguyễn Khả Thi	28/09/2010	10A2	3.9	2.25	6.2	4	0.5	3.9	1.8	6.2	5.8	1	6.8	3.8	1.5	5.3				5.5	1	6.5							
79	000794	Trương Thành Thiện	25/07/2010	10A2	4.5	2.75	7.3	5.3	0.4	2.9	1	4.3	5.8	1.5	7.3	4.0	2	6.0				3.9	1	4.9							
80	000796	Nguyễn Đức Thịnh	09/12/2010	10A2	3.0	2.25	5.3	7.3	0	2.3	2.2	4.5	3.5	1.75	5.3	3.5	1	4.5				5.0	0.5	5.5							
81	000798	Trịnh Công Thịnh	08/11/2010	10A2	4.6	3	7.6	5.8	0.5	2.7	2.2	5.4	5.0	2	7.0	4.5	1.5	6.0				4.8	2	6.8							
82	000799	Võ Thị Kim Thoa	14/10/2010	10A2	5.7	3	8.7	6	0.4	3.2	2.2	5.8	6.5	1.75	8.3	5.5	2.5	8.0				6.5	3	9.5							
83	000800	Bùi Nguyễn Bảo Thy	18/01/2010	10A2	3.7	3	6.7	5	0.5	3.5	2.2	6.2	5.3	1.5	6.8	4.8	1.5	6.3				5.0	1.75	6.8							
84	000802	Phan Mộc Trân	10/09/2010	10A2	4.2	2.5	6.7	5.3	0.2	3.5	1.8	5.5	5.0	2.5	7.5	3.4	1.75	5.2				5.0	1	6.0							
85	000803	Lâm Vĩnh Trần	27/07/2009	10A2	4.5	2.5	7.0	4.3	0	3.9	2.6	6.5	5.8	2	7.8	4.1	1.5	5.6				5.8	1	6.8							
86	000805	Nguyễn Bá Trụ	11/12/2010	10A2	3.0	0.75	3.8	5	0.4	1.7	1.4	3.5	4.5	0	4.5	3.0	0.25	3.3				4.8	2	6.8							
87	000809	Vũ Anh Tuấn	07/12/2010	10A2	2.8	1.75	4.6	3.8	0.4	2.4	1.2	4	5.5	1.5	7.0	3.3	0.5	3.8				5.0	1	6.0							
88	000810	Nguyễn Quang Tùng	07/07/2010	10A2	4.2	3	7.2	6	0	3.0	2.2	5.2	5.5	1.5	7.0	2.5	0.5	3.0				3.8	2	5.8							
89	000811	Nguyễn Ngọc Tuyền	04/01/2010	10A2	3.5	1.75	5.3	5.3	0.7	3.0	1.8	5.5	5.3	1.25	6.6	3.0	1.25	4.3				5.3	1	6.3							
90	000812	Nguyễn Hoàng Việt	09/09/2010	10A2	3.8	3	6.8	3	0	2.1	2.6	4.7	5.5	1.5	7.0	4.0	1.75	5.8				5.8	1	6.8							
91	000816	Hà Thế Vũ	16/12/2010	10A2	3.7	2.5	6.2	3.8	0.7	4.4	2.6	7.7	4.5	1.25	5.8	2.3	1	3.3				5.5	1	6.5							
92	000818	Bùi Ngọc Phương An	14/07/2010	10A3	3.2	1	4.2	6.8	0.4	4.4	3	7.8	4.8	2	6.8	6.0	2.25	8.3				5.5	2.75	8.3	4.8	2.5	7.3				
93	000819	Trần Thị Kim Anh	29/06/2010	10A3	2.6	1.5	4.1	6	0.2	3.2	3	6.4	5.3	1	6.3	4.3	1.5	5.8				6.0	2.75	8.8	3.9	2.5	6.4				
94	000820	Nguyễn Phạm Gia Bảo	06/05/2009	10A3	3.7	2	5.7	5.8	0.4	3.3	2.2	5.9	6.0	1.5	7.5	3.9	1	4.9				4.5	2.75	7.3	4.3	2.5	6.8				
95	000821	Đỗ Trần Kiều Diễm	09/08/2010	10A3	2.8	2	4.8	4.3	0.3	3.8	2.2	6.3	4.0	1	5.0	4.5	1.25	5.8				4.3	3	7.3	4.3	2.25	6.6				
96	000822	Nguyễn Hoàng Duy	29/11/2010	10A3	4.5	1.25	5.8	5.8	0.5	3.9	3	7.4	4.8	1	5.8	4.8	2	6.8				4.5	2.5	7.0	4.5	2.5	7.0				

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
97	000823	Lê Tiến Đạt	26/11/2010	10A3	6.1	2.5	8.6	5.8	0.4	3.0	3	6.4	6.3	1.5	7.8	4.3	2.25	6.6				5.3	2.75	8.1	5.5	2.25	7.8				
98	000824	Nguyễn Tiến Đạt	18/10/2010	10A3	5.0	2.75	7.8	4.8	0.3	4.2	2.6	7.1	6.0	2.5	8.5	4.1	2.75	6.9				6.3	2.75	9.1	6.0	2.5	8.5				
99	000825	Trần Thu Hà	30/03/2010	10A3	3.9	2	5.9	6	0.5	2.1	1.6	4.2	5.0	1.25	6.3	3.3	2	5.3				3.9	0	3.9	2.4	1.5	3.9				
100	000826	Nguyễn Nhật Hào	05/10/2010	10A3	5.8	3	8.8	6	0.5	3.8	3	7.3	6.3	2	8.3	4.0	2.25	6.3				4.8	3	7.8	4.9	2.5	7.4				
101	000827	Trương Quang Hiếu	23/01/2010	10A3	5.6	1.5	7.1	5.5	0.2	3.2	2.6	6	6.0	2.5	8.5	6.5	2.25	8.8				6.0	2.75	8.8	5.1	1.75	6.9				
102	000828	Nguyễn Đăng Hòa	16/02/2010	10A3	3.2	1.5	4.7	3.8	0.2	3.8	2.2	6.2	4.0	1	5.0	4.0	1	5.0				4.0	1.75	5.8	3.5	2	5.5				
103	000829	Trần Kim Hoàng	02/03/2010	10A3	4.2	2.5	6.7	5	0.4	2.3	3	5.7	4.0	1.25	5.3	4.3	2.25	6.6				3.8	0.5	4.3	4.3	2	6.3				
104	000830	Lê Quốc Huy	01/07/2010	10A3	4.5	1.25	5.8	5	0.3	3.2	2.6	6.1	5.0	1.25	6.3	4.3	0	4.3				6.0	1.5	7.5	5.3	1.75	7.1				
105	000831	Lê Thanh Huy	30/08/2010	10A3	5.1	3	8.1	5.8	0.2	3.3	2.6	6.1	6.5	1.75	8.3	6.0	2.5	8.5				6.0	3	9.0	6.5	3	9.5				
106	000832	Phạm Nhựt Huy	11/07/2010	10A3	V	Vắng	Vắng	Vắng	vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng				V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng				
107	000833	Hoàng Kim Hưng	04/12/2010	10A3	5.4	0.75	6.2	5.3	0.2	1.2	0.4	1.8	3.5	0	3.5	4.1	0	4.1				1.5	0	1.5	4.0	0	4.0				
108	000834	Lai Minh Khang	30/06/2010	10A3	3.0	2.25	5.3	4.8	0.4	2.6	2.6	5.6	6.0	1	7.0	4.8	1.25	6.1				5.3	1	6.3	4.6	1	5.6				
109	000835	Đào Anh Khoa	25/05/2010	10A3	4.3	2.25	6.6	5.8	0.4	3.8	2.2	6.4	4.5	1.5	6.0	4.3	1.25	5.6				4.5	2.75	7.3	4.0	3	7.0				
110	000836	Lê Quang Phước Lộc	26/08/2010	10A3	4.5	2.5	7.0	4.8	0.2	3.0	2.2	5.4	5.5	1.5	7.0	3.8	1.75	5.6				4.3	2.5	6.8	3.8	2.5	6.3				
111	000837	Phạm Tấn Lộc	01/04/2010	10A3	2.7	2.25	5.0	5.8	0.3	2.1	1.4	3.8	4.0	0.75	4.8	4.0	0.5	4.5				5.0	1	6.0	2.8	1	3.8				
112	000838	Trần Bảo Nam	22/10/2010	10A3	2.4	1	3.4	5.3	0.6	3.0	3	6.6	5.0	2	7.0	4.6	2.25	6.9				4.8	1	5.8	4.8	0.75	5.6				
113	000839	Nguyễn Trần Trí Nguyễn	24/05/2010	10A3	4.7	2.75	7.5	6.3	0.4	3.6	3	7	6.8	2	8.8	4.6	1.75	6.4				6.3	3	9.3	5.6	2.75	8.4				
114	000840	Lê Quỳnh Bảo Nhi	08/07/2010	10A3	4.1	2.5	6.6	6.8	0.4	3.6	3	7	5.8	1.25	7.1	3.8	0.5	4.3				5.0	3	8.0	4.5	1	5.5				
115	000841	Trần Hoài Yến Nhi	22/05/2010	10A3	4.1	2	6.1	6.8	0.4	3.6	2.6	6.6	5.3	1.5	6.8	4.5	2	6.5				5.3	2	7.3	5.8	2.25	8.1				
116	000842	Ngô Thị Hồng Nhung	06/01/2010	10A3	4.0	2.75	6.8	6.3	0.2	3.5	2.6	6.3	4.3	1	5.3	3.8	0.5	4.3				4.8	2	6.8	4.3	3	7.3				
117	000843	Mai Trịnh Phát	17/05/2010	10A3	4.1	2.25	6.4	3.5	0.5	3.2	2.6	6.3	5.3	0.5	5.8	4.3	1	5.3				5.8	2	7.8	4.4	2.5	6.9				
118	000844	Trần Nguyễn Xuân Phát	17/11/2010	10A3	3.6	2.25	5.9	3.5	0.4	2.6	2.6	5.6	5.5	1.25	6.8	3.1	0.5	3.6				3.4	0.75	4.2	2.3	1.25	3.6				
119	000845	Nguyễn Thanh Phong	09/10/2009	10A3	5.0	2.5	7.5	5.8	0.2	3.3	2.6	6.1	5.5	1.5	7.0	5.3	2.5	7.8				4.5	2.75	7.3	5.5	3	8.5				
120	000846	Trịnh Tấn Phong	17/09/2010	10A3	4.8	2.5	7.3	6.5	0.6	3.5	2.6	6.7	6.3	1.75	8.1	4.5	1.75	6.3				6.0	3	9.0	5.5	2.5	8.0				
121	000847	Phạm Hoàng Tú Sương	26/02/2010	10A3	5.2	3	8.2	5	0.3	3.5	2.6	6.4	6.5	1.5	8.0	4.0	1.25	5.3				5.5	1.25	6.8	5.5	2.75	8.3				
122	000848	Lê Xuân THẮNG	29/03/2010	10A3	3.8	2.25	6.1	3	0.2	3.8	2.6	6.6	5.8	1.5	7.3	4.1	0.25	4.4				6.8	2	8.8	5.4	2	7.4				
123	000849	Nguyễn Lê Trọng Thành	05/02/2010	10A3	3.6	2.25	5.9	3	0.1	2.6	2	4.7	3.3	0.5	3.8	3.5	1.5	5.0				5.3	1	6.3	1.8	1.75	1.8			VPQCT	
124	000850	Đỗ Thị Thanh Thảo	09/10/2010	10A3	5.6	3	8.6	5	0.5	3.3	2.6	6.4	6.5	2	8.5	5.0	0.75	5.8				5.5	2	7.5	6.0	2	8.0				
125	000851	Võ Mỹ Phương Thảo	23/09/2010	10A3	4.5	3	7.5	5	0.3	3.5	2.6	6.4	5.0	1.5	6.5	4.5	0.75	5.3				5.1	1.75	6.9	3.0	2	2.5			VPQCT	
126	000852	Bùi Ngọc Bảo Thi	03/03/2010	10A3	3.7	3	6.7	5	0.5	3.6	3	7.1	5.0	1	6.0	4.3	3	7.3				4.1	1	5.1	3.8	2.5	6.3				
127	000853	Dương Ngọc Anh Thư	09/12/2010	10A3	4.8	3	7.8	6	0.6	2.7	2.6	5.9	5.5	1.25	6.8	4.0	0.25	4.3				5.3	3	8.3	5.0	2.75	7.8				
128	000854	Nguyễn Hồng Cẩm Tiên	05/05/2010	10A3	5.2	2.75	8.0	5.3	0.4	3.5	2.6	6.5	5.5	1.75	7.3	3.8	1.75	5.6				5.8	2	7.8	5.8	3	8.8				
129	000855	Trần Minh Tiến	11/11/2010	10A3	3.6	1.5	5.1	4	0	3.3	2.2	5.5	5.3	2	7.3	3.0	1	4.0				4.5	1	5.5	3.8	1	4.8				
130	000856	Trần Nhật Tiến	26/03/2010	10A3	4.9	2.25	7.2	4.5	0.4	3.2	2.2	5.8	5.5	1.5	7.0	3.5	1.5	5.0				5.8	2	7.8	4.0	2	6.0				
131	000857	Nguyễn Trung	28/03/2010	10A3	4.3	2	6.3	4	0.4	3.2	2.8	6.4	5.8	1.75	7.6	5.3	2.75	8.1				5.5	2	7.5	5.8	2.75	8.6				
132	000858	Phan Trần Ngọc Ánh Tuyết	09/07/2010	10A3	5.2	3	8.2	5	0.4	3.6	2.6	6.6	6.8	1.25	8.1	5.5	1.75	7.3				3.6	3	6.6	4.5	2	6.5				
133	000859	Trần Minh Tuyết	16/09/2010	10A3	3.5	1.25	4.8	3	0.6	4.1	3	7.7	4.5	1.5	6.0	2.5	0.25	2.8				5.0	2.25	7.3	3.3	1.75	5.1				
134	000860	Tống Gia Tường	28/04/2010	10A3	5.0	3	8.0	5	0.5	3.3	3	6.8	6.0	2	8.0	5.3	3	8.3				5.5	2	7.5	5.0	2	7.0				
135	000861	Lư Thái Phương UYÊN	22/05/2010	10A3	4.3	2.25	6.6	6	0.4	3.2	3	6.6	5.8	1.5	7.3	3.0	1.25	4.3				6.3	1.25	7.6	3.0	2.75	5.8				
136	000862	Lê Vi	24/09/2010	10A3	4.1	2.5	6.6	5.3	0.4	3.8	2.6	6.8	6.3	3	9.3	5.5	2.5	8.0				5.3	2.5	7.8	5.3	2.5	7.8				
137	000863	Nguyễn Bạch Tường Vy	25/08/2010	10A3	5.0	2.5	7.5	6	0.4	3.0	3	6.4	5.3	2	7.3	4.5	1.75	6.3				4.0	3	7.0	4.6	2.25	6.9				
138	000864	Nguyễn Thanh Xuân	25/09/2010	10A3	5.4	3	8.4	5	0.2	3.6	3	6.8	6.8	2.25	9.1	6.0	2.25	8.3				6.5	3	9.5	5.8	2.75	8.6				
139	000865	Huỳnh Hoàng Anh	20/01/2010	10A4	5.1	2.75	7.9	5.8	0.6	2.9	2.6	6.1	4.8	1.75	6.6	4.3	2.5	6.8				5.3	2.25	7.6				6.5	2.75	9.3	
140	000866	Lê Quỳnh Anh	12/04/2010	10A4	3.9	2.25	6.2	6.8	0.4	3.5	2.2	6.1	4.8	1	5.8	4.3	3	7.3				2.4	2	4.4				5.8	2.5	8.3	
141	000867	Trần Lê Hồng Anh	06/01/2010	10A4	4.6	3	7.6	5.5	0.5	2.7	2.6	5.8	5.3	2	7.3	3.5	2	5.5				4.8	1.75	6.6				5.5	2.75	8.3	
142	000868	Huỳnh Gia Bảo	06/03/2010	10A4	4.2	2.25	6.5	5	0.3	3.6	3	6.9	5.8	2	7.8	3.0	1.75	4.8				4.8	1	5.8				4.3	2	6.3	
143	000869	Lê Gia Bảo	27/12/2010	10A4	4.1	1.5	5.6	4.5	0.4	3.9	2.2	6.5	5.3	1	6.3	1.8	0.5	2.3				6.0	1	7.0				6.8	2.5	9.3	
144	000870	Phùng Bội Bội	12/09/2010	10A4	4.1	1.75	5.9	6.5	0.2	2.7	2.8	5.7	4.8	0.5	5.3	3.8	1.75	5.6				4.5	1.75	6.3				5.8	2.5	8.3	
145	000871	Hoàng Ngọc Minh Châu	11/01/2010	10A4	2.0	1	3.0	5.3	0.1	2.9	2.2	5.2	3.3	0	3.3	2.5	1.75	4.3				4.6	1.5	6.1				4.5	3	7.5	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
146	000872	Phạm Nguyễn Thùy Dương	10/11/2010	10A4	4.4	2.5	6.9	6.5	0.4	3.9	3	7.3	4.8	2	6.8	3.8	2.5	6.3	5.8	3	8.8	6.3	2.25	8.6							
147	000873	Lương Nguyễn Minh Đăng	09/12/2010	10A4	4.3	1.75	6.1	7.3	0.6	3.6	2.2	6.4	4.8	2	6.8	2.4	1.75	4.2	4.8	1.75	6.6	5.8	2	7.8							
148	000874	Hoàng Thị Ngọc Giàu	21/03/2010	10A4	2.8	1	3.8	5.3	0.2	3.2	1.6	5	4.0	1	5.0	2.8	1	3.8	5.4	3	8.4	7.0	2.5	9.5							
149	000875	Khổng Minh HÀ	31/03/2010	10A4	4.1	2.75	6.9	6	0.5	3.2	3	6.7	5.8	1.75	7.6	3.0	2	5.0	6.0	2.5	8.5	6.0	3	9.0							
150	000876	Kiều Huỳnh Gia Hân	19/02/2010	10A4	4.0	2.75	6.8	6.5	0.4	3.5	3	6.9	6.0	2.25	8.3	3.5	2.5	6.0	5.1	2.25	7.4	4.8	2.5	7.3							
151	000877	Trần Phương Hân	07/02/2010	10A4	3.6	2	5.6	5	0.2	3.6	3	6.8	3.8	1.5	5.3	2.5	1.75	4.3	5.0	1.5	6.5	5.8	3	8.8							
152	000878	Trần Thị Ngọc Hân	27/05/2010	10A4	3.1	1	4.1	5.5	0.1	3.6	1.8	5.5	3.8	0	3.8	2.9	0.5	3.4	4.6	2.25	6.9	5.3	2.5	7.8							
153	000879	Đỗ Gia Hiệp	20/07/2010	10A4	4.1	2.75	6.9	4.8	0.5	3.5	3	7	4.0	1.25	5.3	3.1	0.75	3.9	4.8	2	6.8	7.0	3	10.0							
154	000880	Đặng Tiến Hoàng	18/05/2010	10A4	4.3	2.25	6.6	6	0.1	3.3	2.6	6	5.5	1	6.5	3.5	1	4.5	5.4	1.5	6.9	5.3	3	8.3							
155	000881	Nguyễn Hữu Huân	19/04/2010	10A4	3.8	3	6.8	4.8	0.3	4.4	2.6	7.3	6.5	2	8.5	4.5	3	7.5	7.0	3	10.0	6.5	3	9.5							
156	000882	Lương Như Huỳnh	17/11/2010	10A4	3.0	3	6.0	5	0.4	3.6	2.2	6.2	3.8	0	3.8	2.8	2.25	5.1	5.3	2.5	7.8	5.5	2.5	8.0							
157	000883	Lê Nguyễn Đăng Khôi	31/07/2010	10A4	4.3	0.75	5.1	3.8	0.5	1.2	3	4.7	3.8	1	4.8	2.3	1	3.3	2.6	0	2.6	3.8	2.5	6.3							
158	000884	Nguyễn Ngọc Thuỳ Lâm	12/01/2010	10A4	4.3	2.75	7.1	5.5	0.7	3.0	1.8	5.5	4.3	1.5	5.8	4.0	0.5	4.5	5.0	2	7.0	5.0	3	8.0							
159	000885	Diệp Anh Linh	24/08/2010	10A4	4.4	1.75	6.2	5	0.1	2.6	1.6	4.3	5.3	1.5	6.8	2.5	0.5	3.0	5.0	1.75	6.8	1.0	2.5	3.5							
160	000886	Nguyễn Hoàng Linh	19/01/2010	10A4	3.6	2	5.6	6.5	0.3	3.5	2.6	6.4	4.3	0.75	5.1	2.0	2.75	4.8	4.5	1.5	6.0	6.0	1.25	7.3							
161	000887	Nguyễn Ngọc Bảo Long	01/03/2010	10A4	2.8	1.5	4.3	5	0.4	3.2	2.2	5.8	3.8	0.25	4.1	2.6	1.25	3.9	6.3	2	8.3	6.3	1.5	7.8							
162	000888	Đỗ Hoàng Khánh Ly	14/09/2010	10A4	3.4	2.5	5.9	6.5	0.5	3.0	1.8	5.3	5.8	2.5	8.3	3.3	1.75	5.1	5.0	2	7.0	6.8	2	8.8							
163	000889	Phạm Ngọc Tuyết Minh	24/03/2010	10A4	4.6	3	7.6	6.5	0.6	2.9	1.8	5.3	5.3	0.5	5.8	3.4	1.5	4.9	5.0	2	7.0	5.0	0.25	5.3							
164	000890	Phạm Văn Nam	17/03/2009	10A4	3.9	1.75	5.7	5.3	0.3	3.2	1.8	5.3	4.5	1.25	5.8	3.8	1.75	5.6	4.5	2.25	6.8	6.8	1.75	8.6							
165	000891	Trần Hoàng Bảo Ngân	07/01/2010	10A4	5.2	1.75	7.0	7	0.6	3.2	2.6	6.4	4.0	1	5.0	2.8	1.5	4.3	4.9	2.5	7.4	5.3	2.25	7.6							
166	000892	Trịnh Phạm Khánh Ngân	07/12/2010	10A4	3.2	1.75	5.0	8	0.1	3.5	2.6	6.2	4.3	1	5.3	2.3	0.5	2.8	4.8	3	7.8	6.0	2.5	8.5							
167	000893	Nguyễn Khánh Ngọc	19/09/2010	10A4	2.9	1.25	4.2	7	0.2	3.5	2.6	6.3	4.3	1	5.3	4.3	1	5.3	5.3	0.75	6.1	5.8	1.5	7.3							
168	000894	Nguyễn Phúc Nguyên	18/07/2010	10A4	3.2	0.75	4.0	5	0.3	2.9	1	4.2	3.3	0	3.3	1.8	0.25	2.1	4.0	2.5	6.5	5.0	1.75	6.8							
169	000895	Phạm Long Nhật	15/07/2010	10A4	4.5	2.25	6.8	5	0.4	2.7	2.6	5.7	4.8	0.25	5.1	3.5	1.5	5.0	6.0	1.5	7.5	6.0	1.75	7.8							
170	000896	Phan Thế Phong	07/04/2010	10A4	2.5	2	4.5	3.8	0.6	3.5	2.2	6.3	4.5	0.5	5.0	3.0	1	4.0	5.5	1.5	7.0	4.8	2.5	7.3							
171	000897	Dương Ngọc Phúc	05/01/2010	10A4	2.4	2	4.4	1.3	0.7	3.9	2.6	7.2	3.8	0	3.8	3.3	1.75	5.1	1.8	0	1.8	5.0	3	8.0							
172	000898	Đặng Minh Phúc	25/08/2010	10A4	V	Vắng	Vắng	Vắng	vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng							
173	000899	Phạm Hoài Nhã Phương	05/01/2010	10A4	3.2	2.5	5.7	7	0.6	3.5	2.6	6.7	6.0	1.75	7.8	2.4	1	3.4	4.9	2.5	7.4	6.8	3	9.8							
174	000900	Nguyễn Minh Quân	23/08/2010	10A4	3.2	1.75	5.0	6.5	0.3	2.9	2.6	5.8	3.5	0	3.5	2.8	0.75	3.6	5.3	1.5	6.8	5.0	2.5	7.5							
175	000901	Đặng Thị Minh Quyên	30/09/2010	10A4	5.1	2.5	7.6	7.5	0.4	4.2	3	7.6	6.5	2.5	9.0	3.6	1.5	5.1	5.9	2	7.9	5.8	3	8.8							
176	000902	Nguyễn Thị Kim Quyên	23/09/2010	10A4	3.5	1.75	5.3	6.8	0.5	3.5	1.8	5.8	4.5	0.5	5.0	4.0	0.5	4.5	4.1	2	6.1	5.0	2	7.0							
177	000903	Hoàng Thanh Sơn	02/05/2010	10A4	3.2	2.25	5.5	5.3	0.2	3.5	2.6	6.3	3.3	0.5	3.8	2.8	1	3.8	2.8	1	3.8	5.0	2.5	7.5							
178	000904	Nguyễn Thành Tài	18/03/2010	10A4	4.5	2	6.5	5.5	0.3	3.2	2.6	6.1	6.3	2.25	8.6	3.8	1.25	5.1	6.0	2	8.0	4.3	2.5	6.8							
179	000905	Dương Minh Tấn	18/03/2010	10A4	1.8	1.25	3.1	3.5	0.6	3.0	2.2	5.8	4.3	0.75	5.1	3.8	1.25	5.1	4.5	1	5.5	5.3	2.5	7.8							
180	000906	Trịnh Minh Trí	18/12/2010	10A4	2.2	1	3.2	5	0.4	2.9	2.2	5.5	4.3	0	4.3	2.3	0	2.3	6.0	1.5	7.5	6.5	2.5	9.0							
181	000907	Nguyễn Trần Thanh Trúc	23/03/2010	10A4	4.5	2.25	6.8	5.3	0.6	3.5	3	7.1	4.5	1.25	5.8	3.5	2	5.5	4.6	2	6.6	5.3	3	8.3							
182	000908	Lê Nguyễn Phương UYÊN	23/02/2010	10A4	3.3	1.25	4.6	5	0.5	2.6	2	5.1	3.3	1	4.3	1.8	1	2.8	3.9	0.5	4.4	5.5	2	7.5							
183	000909	Triệu Nguyễn Hà Vy	10/12/2010	10A4	4.8	1.5	6.3	5	0.4	3.3	2.2	5.9	5.5	1.25	6.8	3.0	1	4.0	4.5	2.25	6.8	5.3	3	8.3							
184	000910	Nguyễn Hoàng Anh	04/05/2010	10A5	4.6	2.25	6.9	5	0.3	2.7	2.2	5.2				6.3	3	9.3	6.5	1.5	8.0	4.3	1.5	5.8							
185	000911	Lê Vũ Minh Chuyên	07/03/2010	10A5	3.7	2.25	6.0	3.8	0.3	3.5	2.2	6				4.5	3	7.5	2.8	1.5	4.3	4.5	2.25	6.8							
186	000912	Lương Phúc Duy	18/02/2010	10A5	2.9	1.75	4.7	5.3	0.3	2.7	2.2	5.2				4.0	1	5.0	3.3	0.25	3.6	3.8	0.25	4.1							
187	000913	Phạm Trần Bảo Hân	03/10/2010	10A5	4.8	3	7.8	7	0.4	3.6	2.6	6.6				5.3	3	8.3	6.3	2.5	8.8	5.8	1.5	7.3							
188	000914	Trần Khả Hân	13/09/2009	10A5	3.2	0.75	4.0	4.3	0.2	2.6	1.8	4.6				2.3	0.5	2.8	3.3	2.5	5.8	3.8	1	4.8							
189	000915	Nguyễn Duy Hoàng	10/09/2010	10A5	2.9	2	4.9	5	0.3	3.0	2.6	5.9				4.6	3	7.6	6.5	2	8.5	6.0	2.25	8.3							
190	000916	Phạm Hoàng	01/10/2010	10A5	3.3	2.5	5.8	5.3	0.4	3.8	2.6	6.8				4.5	2	6.5	4.3	2.5	6.8	5.0	2	7.0							
191	000917	Phạm Đình Hoàng	11/08/2010	10A5	4.1	2.5	6.6	5	0.3	3.2	2.6	6.1				5.5	3	8.5	5.9	1	6.9	5.6	2	7.6							
192	000918	Phan Cao Tuấn Hùng	27/01/2010	10A5	2.6	1.5	4.1	4	0.3	1.7	1.4	3.4				3.3	1.75	5.1	6.3	2.5	8.8	4.5	1.75	6.3							
193	000919	Nguyễn Bùi Công Huy	17/03/2010	10A5	2.8	1.75	4.6	5.3	0.6	2.9	1.6	5.1				4.3	3	7.3	5.0	1	6.0	4.8	1.25	6.1							
194	000920	Thạch Hoàng Khang	12/01/2010	10A5	4.6	2.5	7.1	5	0.3	3.2	2.6	6.1				5.8	3	8.8	6.5	2.75	9.3	6.8	2.75	9.6							

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
195	000921	Nguyễn Quang Khoa	16/04/2010	10A5	3.2	2.25	5.5	5.5	0.3	3.0	1.8	5.1				5.5	1.75	7.3	3.8	1.75	5.6	4.6	2.5	7.1				4.8	2.5	7.3	
196	000922	Trần Minh Khoa	09/05/2010	10A5	4.3	3	7.3	7	0.5	3.6	2.6	6.7				6.5	3	9.5	6.5	2.75	9.3	6.5	2.5	9.0				6.5	3	9.5	
197	000923	Nguyễn Huỳnh Minh Khôi	27/04/2010	10A5	2.6	1.25	3.9	5	0.5	2.7	2	5.2				4.4	0.75	5.2	6.0	1.5	7.5	5.5	2.25	7.8				6.5	2	8.5	
198	000924	Nguyễn Đăng Khương	01/07/2010	10A5	3.0	1	4.0	3.5	0.5	3.0	0.6	4.1				3.8	1.5	5.3	1.9	1.5	3.4	4.5	0.25	4.8				6.0	2.5	8.5	
199	000925	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	01/07/2010	10A5	4.9	2.5	7.4	5	0.3	3.3	2.2	5.8				5.5	2	7.5	6.5	2.5	9.0	4.8	2	6.8				5.8	2.5	8.3	
200	000926	Nguyễn Hoàng Phương Linh	22/08/2010	10A5	4.3	2.25	6.6	5.8	0.1	2.9	2.6	5.6				3.8	3	6.8	5.8	2.5	8.3	4.3	2.5	6.8				5.3	2.5	7.8	
201	000927	Phan Thị Mỹ Linh	08/07/2010	10A5	2.3	0.5	2.8	6.5	0.2	3.5	2.2	5.9				3.5	2.25	5.8	6.5	1	7.5	3.4	2	5.4				4.6	1.5	6.1	
202	000928	Ngô Công Nguyễn Thành Long	22/10/2010	10A5	4.4	1.5	5.9	4	0.5	2.7	2.2	5.4				3.5	0.5	4.0	3.6	1	4.6	4.5	1.75	6.3				4.3	3	7.3	
203	000929	Tống Hữu Nghĩa	27/10/2010	10A5	4.6	2.25	6.9	5.5	0.3	3.2	2.6	6.1				5.3	2.75	8.1	6.5	1.75	8.3	5.4	2	7.4				7.0	3	10.0	
204	000930	Nguyễn Khánh Ngọc	19/08/2010	10A5	2.2	1.25	3.5	5.5	0.5	2.4	1.8	4.7				5.0	1	6.0	6.3	1.5	7.8	5.8	1.75	7.6				6.3	2.5	8.8	
205	000931	Võ Thị Vy Ngọc	06/03/2010	10A5	2.6	1.25	3.9	5.3	0.6	3.9	2.4	6.9				5.0	1	6.0	5.5	2.5	8.0	5.8	2.75	8.6				6.3	3	9.3	
206	000932	Trần Hoài Nguyên	05/10/2010	10A5	3.8	1.75	5.6	6.5	0.3	3.5	1.2	5				4.5	2.5	7.0	6.3	1.5	7.8	5.8	1	6.8				6.3	2	8.3	
207	000933	Nguyễn Thanh Minh Nhật	30/10/2010	10A5	2.5	1.25	3.8	3.8	0.2	3.3	1.8	5.3				5.3	2	7.3	6.0	0.5	6.5	5.3	1.5	6.8				4.5	3	7.5	
208	000934	Nguyễn Hoàng Yến Như	29/03/2010	10A5	4.7	1.25	6.0	5	0.3	3.0	1.8	5.1				3.8	3	6.8	4.6	2.5	7.1	4.5	3	7.5				5.8	2	7.8	
209	000935	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	11/12/2010	10A5	2.6	1.25	3.9	5	0.1	3.3	2.2	5.6				2.8	0.5	3.3	6.1	1.5	7.6	3.9	3	6.9				5.5	3	8.5	
210	000936	Lê Tiến Phát	14/08/2010	10A5	3.1	1.75	4.9	5	0.5	2.7	2	5.2				2.8	1.75	4.6	3.5	2.5	6.0	4.5	2.5	7.0				4.3	2	6.3	
211	000937	Nguyễn Lê Hoàng Phúc	02/08/2010	10A5	3.1	1	4.1	2	0.3	3.6	2.2	6.1				2.5	2.5	5.0	2.0	0	2.0	3.3	1.25	4.6				5.5	2.25	7.8	
212	000938	Phạm Ngọc Minh Phương	05/12/2010	10A5	3.4	2	5.4	4.5	0.2	3.0	2.6	5.8				6.0	2.25	8.3	5.4	1.5	6.9	4.1	1.25	5.4				6.0	2.5	8.5	
213	000939	Lê Hoàng Khải Quyên	05/02/2010	10A5	3.5	1.5	5.0	6.5	0.3	3.5	2.6	6.4				2.9	2	4.9	5.5	2.5	8.0	6.0	3	9.0				6.5	2	8.5	
214	000940	Nguyễn Thị Tố Quyên	31/12/2010	10A5	3.0	2	5.0	6.3	0.6	3.0	1.8	5.4				5.0	2.25	7.3	6.3	2.5	8.8	4.8	0.25	5.1				5.3	2.5	7.8	
215	000941	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	16/04/2010	10A5	3.9	2.25	6.2	5.8	0.2	3.2	2.6	6				5.0	3	8.0	6.5	2.5	9.0	6.1	3	9.1				6.0	3	9.0	
216	000942	Võ Kim THUẬN	03/10/2010	10A5	2.6	1.5	4.1	5.3	0.5	2.4	1.8	4.7				3.8	2.25	6.1	5.0	2.25	7.3	4.3	0.25	2.3				5.3	2	7.3	VPQCT
217	000943	Lương Phúc Thịnh	10/01/2010	10A5	3.6	2	5.6	5.8	0.4	3.5	1.8	5.7				4.3	2.5	6.8	6.0	2.5	8.5	5.0	3	8.0				5.5	2.5	8.0	
218	000944	Phạm Thanh Thúy	07/01/2010	10A5	3.5	1.75	5.3	5.8	0.3	3.2	2.6	6.1				4.5	1.25	5.8	5.8	2.5	8.3	4.9	2	6.9				5.0	2.5	7.5	
219	000945	Nguyễn Minh Thư	26/01/2010	10A5	3.6	2	5.6	4.8	0.6	3.0	2.6	6.2				5.5	2.25	7.8	6.0	2.75	8.8	5.5	2	7.5				6.3	2.75	9.1	
220	000946	Nguyễn Thanh Tính	06/09/2009	10A5	4.6	2.25	6.9	4.5	0.5	2.6	2.2	5.3				4.5	3	7.5	6.0	1.75	7.8	4.1	1.75	5.9				5.8	2	7.8	
221	000947	Lưu Thùy Trang	15/07/2010	10A5	2.8	2.5	5.3	5.3	0.3	3.0	2.6	5.9				4.0	2.75	6.8	6.3	2.5	8.8	4.0	1.75	5.8				4.5	2	6.5	
222	000948	Nguyễn Minh Tuấn	15/10/2010	10A5	3.5	2.25	5.8	5.5	0.6	3.5	2.6	6.7				3.1	2.75	5.9	5.0	2.5	7.5	6.3	1.75	8.1				5.0	2.5	7.5	
223	000949	Nguyễn Quốc Tuấn	21/07/2010	10A5	5.2	2.75	8.0	6.3	0.4	3.2	2.6	6.2				5.0	2.75	7.8	6.5	2.5	9.0	6.3	2.5	8.8				6.5	3	9.5	
224	000950	Lương Bích Tuyền	19/02/2010	10A5	3.9	2.5	6.4	6.5	0.4	3.6	2	6				4.8	2	6.8	6.5	2.5	9.0	4.8	3	7.8				5.5	2.5	8.0	
225	000951	Nguyễn Ngọc Bảo Uyên	29/05/2009	10A5	5.0	2	7.0	5.5	0.5	3.5	2.6	6.6				5.0	3	8.0	6.1	2	8.1	6.3	3	9.3				5.5	1.75	7.3	
226	000952	Trần Quốc Vinh	21/07/2010	10A5	2.0	0.75	2.8	5.3	0.5	2.7	1.4	4.6				3.3	2.5	5.8	5.1	1.25	6.4	5.0	0.25	5.3				4.8	2	6.8	
227	000953	Nguyễn Ngọc Tường Vy	07/04/2010	10A5	3.3	1.75	5.1	3.5	0.5	3.5	2.6	6.6				5.0	3	8.0	6.1	2.5	8.6	6.3	2.75	9.1				6.3	2.5	8.8	
228	000954	Phan Nguyễn Thảo Vy	21/08/2010	10A5	4.4	2.75	7.2	4.3	0.5	4.2	2.6	7.3				4.3	1.75	6.1	6.0	0.75	6.8	4.5	1.75	6.3				5.8	2.75	8.6	
229	000955	Lê Nguyễn Phi Yến	30/01/2010	10A5	3.8	1.75	5.6	5	0.4	3.5	2.6	6.5				5.5	2.5	8.0	6.5	2.5	9.0	5.5	3	8.5				5.0	2.5	7.5	
230	000956	Nguyễn Lê Xuân An	24/12/2010	10A6	5.2	3	8.2	7.3	0.3	4.1	2.6	7				5.0	2.5	7.5	6.0	2.5	8.5	6.8	2.5	9.3	5.0	2	7.0				
231	000957	Võ Ngọc Kim An	11/01/2010	10A6	1.5	0.75	2.3	4.3	0.1	3.3	3	6.4				3.1	2.5	5.6	6.3	2.5	8.8	2.8	1	3.8	5.3	1.5	6.8				
232	000958	Dũ Thị Quỳnh Anh	15/07/2010	10A6	3.3	1	4.3	5	0.1	2.7	1.8	4.6				4.3	1.75	6.1	4.0	1.5	5.5	5.3	1	6.3	3.5	1.5	5.0				
233	000959	Nguyễn Hoàng Anh	25/02/2010	10A6	4.1	2	6.1	5.3	1.0	5.0	2.6	8.6				4.5	2.75	7.3	4.4	1.75	6.2	5.5	2.5	8.0	5.8	2	7.8				
234	000960	Nguyễn Minh Anh	23/05/2009	10A6	4.4	2.5	6.9	4.5	0.2	3.5	2.6	6.3				5.0	2.75	7.8	6.3	2.5	8.8	4.9	1.25	6.2	4.3	1.75	6.1				
235	000961	Nguyễn Phương Quỳnh Anh	06/03/2010	10A6	4.2	2.5	6.7	7.5	0.2	3.8	2.2	6.2				3.8	2.5	6.3	7.0	2.5	9.5	6.8	3	9.8	4.8	2	6.8				
236	000962	Nguyễn Vũ Trâm Anh	31/03/2010	10A6	2.8	2.5	5.3	5.5	0.4	2.7	1.6	4.7				2.6	2.25	4.9	4.3	2.25	6.6	4.8	0.75	5.6	1.8	1.5	3.3				
237	000963	Trần Nguyệt Ánh	05/03/2010	10A6	2.3	1.5	3.8	6	0.2	2.9	2	5.1				5.6	1.75	7.4	5.3	2	7.3	6.0	1	7.0	4.3	2	6.3				
238	000964	Nguyễn Gia Bảo	12/11/2010	10A6	5.2	2.5	7.7	6	0	3.2	2.6	5.8				6.0	2.5	8.5	6.5	2	8.5	5.3	2	7.3	5.5	2.25	7.8				
239	000965	Trần Đình Đăng	11/12/2008	10A6	3.5	3	6.5	6	0.8	2.7	2.6	6.1				3.8	2.75	6.6	4.0	2	6.0	4.3	2	6.3	3.8	0	3.8				
240	000966	Mã Thị Ngọc Hà	25/09/2009	10A6	1.8	0.25	2.1	4	0.2	1.5	1.2	2.9				1.9	1	2.9	4.8	1.25	6.1	3.6	2	5.6	2.8	1.5	4.3				
241	000967	Hoàng Anh Hào	07/12/2010	10A6	2.0	0.5	2.5	3	0.1	3.3	1.8	5.2				4.3	2.5	6.8	3.8	1.5	5.3	4.9	0	4.9	3.1	0.75	3.9				
242	000968	Nguyễn Đức Gia HUY	29/04/2010	10A6	4.3	2	6.3	5.5	0.3	3.9	2.2	6.4				5.3	2.5	7.8	6.3	1.5	7.8	5.0	2.25	7.3	4.8	2.5	7.3				
243	000969	Nguyễn Trần Quốc Huy	15/03/2010	10A6	3.5	1.25	4.8	5	0.6	4.1	2.6	7.3				5.8	2.75	8.6	5.5	2.5	8.0	6.5	2	8.5	4.8	1.75	6.6				

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
244	000970	Nguyễn Lê Quốc Khánh	24/07/2010	10A6	2.2	0.5	2.7	5	0.3	1.7	1.4	3.4				3.8	1.25	5.1	3.3	1.5	4.8	5.0	1.5	6.5	2.3	1.5	3.8				
245	000971	Nguyễn Danh Đăng Khoa	16/11/2009	10A6	3.9	2.5	6.4	4.8	0.0	3.3	2.6	5.9				5.5	2.5	8.0	6.0	2.5	8.5	5.8	3	8.8	4.5	2	6.5				
246	000972	Trần Nguyễn Tuấn Kiệt	14/05/2010	10A6	2.6	1.75	4.4	5	0.2	3.3	2	5.5				2.9	1.5	4.4	5.8	1.75	7.6	4.1	2	6.1	3.5	1.5	5.0				
247	000973	Thái Nguyễn Mỹ Kiều	19/06/2010	10A6	V	Vắng	Vắng	Vắng	vắng	V	Vắng	Vắng				V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng				
248	000974	Nguyễn Trần Bích Kim	03/05/2010	10A6	2.8	1.5	4.3	5	0.3	2.9	2.6	5.8				6.0	3	9.0	7.0	2	9.0	3.8	1	4.8	4.8	2	6.8				
249	000975	Nguyễn Võ Phi Long	02/12/2010	10A6	2.7	0.25	3.0	4.8	0.1	2.3	2	4.4				3.0	0.25	3.3	5.0	1	6.0	5.8	0.75	6.6	4.8	0.75	5.6				
250	000976	Võ Thành Long	01/08/2010	10A6	4.0	1.5	5.5	5.8	0.3	3.6	2.6	6.5				4.8	2.5	7.3	3.5	1.5	5.0	3.8	1	4.8	2.9	1	3.9				
251	000977	Trịnh Thị Nhật My	04/10/2010	10A6	4.5	2.5	7.0	6	0.6	2.9	2.6	6.1				6.3	3	9.3	6.5	2.5	9.0	6.5	3	9.5	5.8	2.5	8.3				
252	000978	Đình Hoài Nam	03/06/2010	10A6	5.0	3	8.0	5	0.4	3.2	2.6	6.2				6.5	3	9.5	5.0	1.5	6.5	5.5	2	7.5	5.8	2.75	8.6				
253	000979	Nguyễn Ngọc Lam Nghi	18/04/2010	10A6	3.7	0.5	4.2	4.3	0.3	3.2	2.2	5.7				6.0	1.25	7.3	5.8	1.5	7.3	5.5	1	6.5	3.0	2	5.0				
254	000980	Mai Yến Ngọc	08/04/2009	10A6	2.9	1	3.9	5.5	0.5	3.9	1	5.4				4.8	2	6.8	5.8	2.5	8.3	5.0	3	8.0	4.1	2	6.1				
255	000981	Nguyễn Khánh Ngọc	29/01/2010	10A6	3.4	1.5	4.9	4.3	0.1	3.0	1.8	4.9				4.3	0.5	4.8	4.8	1	5.8	3.8	1	4.8	4.0	2	6.0				
256	000982	Trần Ánh Nguyệt	28/07/2010	10A6	4.6	1.75	6.4	4.3	0.5	3.8	2.6	6.9				5.5	2	7.5	6.5	2.5	9.0	4.6	3	7.6	5.0	2.25	7.3				
257	000983	Hồ Phan Đức Nhân	19/04/2010	10A6	4.6	2.5	7.1	5	0.5	3.2	2.2	5.9				5.0	2.5	7.5	6.0	2.5	8.5	6.8	2	8.8	5.0	2.5	7.5				
258	000984	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	20/10/2010	10A6	3.3	0.75	4.1	4.5	0.4	3.5	2.2	6.1				5.8	2	7.8	6.5	2	8.5	3.1	2	5.1	3.8	1.5	5.3				
259	000985	Bùi Thị Tuyết Nhung	27/11/2010	10A6	1.6	1	2.6	6.3	0.4	3.0	2.6	6				4.8	1.25	6.1	5.3	1.75	7.1	5.8	2.5	8.3	5.0	2.5	7.5				
260	000986	Lê Hòa Phát	31/10/2009	10A6	3.5	1.75	5.3	5.8	0.4	3.5	2.2	6.1				4.8	1.25	6.1	6.0	2.5	8.5	5.4	1.5	6.9	5.3	1.75	7.1				
261	000987	Trần Huy Phát	13/11/2010	10A6	4.8	1.75	6.6	5	0.6	2.7	1.8	5.1				4.0	2.75	6.8	6.5	2	8.5	4.4	2	6.4	3.6	1.75	5.4				
262	000988	Trần Hoàng Tấn Phúc	01/07/2010	10A6	V	Vắng	Vắng	4.5	0.5	3.9	2.6	7				4.8	3	7.8	4.3	1.75	6.1	6.0	1.5	7.5	3.4	1.25	4.7				
263	000989	Mai Huỳnh Thanh Sơn	17/04/2010	10A6	3.7	2.25	6.0	5	0.0	2.1	1.4	3.5				4.3	1.75	6.1	3.8	1.25	5.1	3.0	1.5	4.5	3.6	1.5	5.1				
264	000990	Nguyễn Lê Tiến Tài	26/09/2010	10A6	6.1	1.75	7.9	2.8	0.6	3.2	3	6.8				5.8	3	8.8	5.0	1	6.0	5.5	2	7.5	3.5	0.5	4.0				
265	000991	Nguyễn Hoàng Nhật Tân	03/06/2010	10A6	4.3	1.25	5.6	1.5	0.3	2.9	1.4	4.6				2.5	0	2.5	3.0	0.5	3.5	2.8	1	3.8	1.3	1.25	2.6				
266	000992	Nguyễn Võ Thanh Thảo	02/12/2009	10A6	3.3	1.5	4.8	6.3	0.2	2.7	2.6	5.5				4.3	2.25	6.6	6.3	2.5	8.8	4.5	1	5.5	3.1	2.25	5.4				
267	000993	Nguyễn Quỳnh Bảo Thy	23/09/2010	10A6	3.6	1.25	4.9	5	0.1	2.3	2.2	4.6				4.5	2.25	6.8	5.3	1	6.3	5.0	2	7.0	4.6	1.5	6.1				
268	000994	Đặng Văn TIẾN	02/01/2010	10A6	5.1	2.75	7.9	3.8	0.6	3.9	2.6	7.1				5.3	3	8.3	6.3	2.5	8.8	6.3	2.25	8.6	4.8	2.25	7.1				
269	000995	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	20/11/2010	10A6	5.4	2.75	8.2	5.3	0.3	3.8	2.6	6.7				4.9	3	7.9	6.5	2.5	9.0	6.1	3	9.1	6.3	2	8.3				
270	000996	Nguyễn Quỳnh Trang	19/05/2010	10A6	1.7	0.25	2.0	2	0.4	2.0	1.8	4.2				2.5	0.5	3.0	5.2	0.75	6.0	4.1	2.25	6.4	1.5	0	1.5				
271	000997	Lê Bảo Trân	24/09/2010	10A6	3.6	1.25	4.9	3.8	0.2	3.8	2.2	6.2				4.5	1.25	5.8	5.3	1.5	6.8	3.6	2	5.6	3.1	1.75	4.9				
272	000998	Đình Thị Tuyết Trinh	12/10/2010	10A6	4.3	2.25	6.6	5.3	0.1	3.0	1.4	4.5				4.8	1.75	6.6	6.3	2.5	8.8	3.1	2.5	5.6	4.5	2	6.5				
273	000999	Đình Cát Tường	25/04/2009	10A6	3.3	1	4.3	5.3	0.4	3.2	1.4	5				3.3	1	4.3	5.8	1.5	7.3	5.8	2.5	8.3	2.9	3	5.9				
274	001000	Lâm Thị Thúy Vân	04/03/2010	10A6	3.7	2.5	6.2	7.3	0.3	3.2	2.6	6.1				5.0	3	8.0	6.3	2.5	8.8	6.5	2.5	9.0	6.8	3	9.8				
275	001001	Nguyễn Ngọc Phương Vy	11/06/2010	10A6	3.9	2	5.9	4.8	0.2	4.1	2.6	6.9				4.8	2.5	7.3	6.1	2.5	8.6	4.8	2	6.8	6.3	1.75	8.1				
276	001002	Nguyễn Ngọc Trâm ANH	04/01/2010	10A7	2.0	1.75	3.8	5.5	0.4	3.5	1.4	5.3	3.3	0	3.3							6.3	0.75	7.1	3.8	1.5	5.3	6.5	2	8.5	
277	001003	Nguyễn Hoàng Tiến An	30/11/2010	10A7	3.8	2.5	6.3	6.3	0.3	3.0	2.2	5.5	3.8	0.75	4.6							5.5	0	5.5	5.0	1	6.0	5.3	2.5	7.8	
278	001011	Vũ Minh Anh	01/12/2010	10A7	3.3	1.25	4.6	4	0.2	4.4	2.4	7	4.3	0.5	4.8							5.3	0.5	5.8	4.5	0.25	4.8	5.3	2.75	8.1	
279	001012	Nguyễn Hữu Hồng Ân	28/02/2010	10A7	3.5	2.25	5.8	5.8	0.3	3.5	2.6	6.4	5.0	2	7.0							4.6	2	6.6	4.0	2	6.0	6.0	3	9.0	
280	001016	Thái Gia Bảo	07/07/2010	10A7	4.1	2.5	6.6	6.3	0	3.5	1.4	4.9	4.5	0.75	5.3							3.8	2	5.8	3.5	2	5.5	5.3	2.5	7.8	
281	001017	Tấn Hoàng Anh Bình	08/01/2010	10A7	3.3	2.75	6.1	5.5	0.4	4.2	2.6	7.2	3.0	1.5	4.5							5.0	0.5	5.5	3.9	1.5	5.4	5.3	1.5	6.8	
282	001018	Nguyễn Minh Cường	02/06/2010	10A7	4.4	2.5	6.9	5.8	0.3	3.6	2.2	6.1	4.5	1	5.5							3.3	0	3.3	3.1	2	5.1	4.8	2.5	7.3	
283	001024	Nguyễn Ngọc Hoàng Ánh Dương	07/12/2010	10A7	3.0	2	5.0	5	0.6	4.1	2.6	7.3	6.0	2.5	8.5							5.1	1.5	6.6	4.0	2	6.0	4.8	0.5	5.3	
284	001028	Nguyễn Việt Đức	08/09/2010	10A7	4.8	2.5	7.3	6.3	0.3	3.3	2.6	6.2	5.5	1.5	7.0							6.0	2.75	8.8	5.1	2	7.1	6.3	3	9.3	
285	001030	Hồ Ngọc HÀ	15/10/2010	10A7	4.5	3	7.5	6.8	0.3	3.5	2.6	6.4	5.5	1	6.5							4.6	2	6.6	4.0	2	6.0	5.5	2.75	8.3	
286	001037	Nguyễn Văn Hiếu	22/06/2010	10A7	3.9	1.5	5.4	6	0.4	3.2	1.8	5.4	4.0	0.75	4.8							4.8	0.5	5.3	4.5	1.75	6.3	5.5	3	8.5	
287	001041	Mang Trần Đức Huy	26/10/2010	10A7	2.6	2.25	4.9	4.3	0.3	2.9	2.2	5.4	4.5	0	4.5							2.6	3	5.6	3.8	2	5.8	4.4	2.5	6.9	
288	001045	Nguyễn Lâm Anh Huy	10/10/2010	10A7	3.0	2	5.0	5.8	0.5	3.9	2.6	7	4.3	0.5	4.8							5.0	0.5	5.5	2.1	0.25	2.4	5.3	2.5	7.8	
289	001053	Tăng Nguyên Khang	16/11/2010	10A7	5.0	2.5	7.5	5.5	0.4	4.1	2.6	7.1	5.3	1	6.3							5.0	2	7.0	3.6	2.5	6.1	6.5	2.5	9.0	
290	001054	Võ Minh Khiêm	12/02/2010	10A7	3.1	3	6.1	6.5	0.1	3.3	2.6	6	4.5	1	5.5							5.0	2	7.0	5.5	2	7.5	6.3	3	9.3	
291	001055	Nguyễn Hồ Đăng Khoa	03/02/2010	10A7	3.1	3	6.1	5.5	0.3	2.9	1.2	4.4	4.5	0.5	5.0							5.3	1	6.3	3.8	1.25	5.1	4.8	3	7.8	
292	001057	Đình Nguyên Lâm	22/07/2010	10A7	3.3	2.5	5.8	5.3	0.5	3.0	2.6	6.1	4.3	1	5.3							5.5	2.75	8.3	3.4	2.25	5.7	4.6	2	6.6	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
293	001066	Nguyễn Châu Minh	16/07/2009	10A7	5.3	0	5.3	7.8	0.2	1.8	1.2	3.2	4.5	0	4.5							3.0	2.5	5.5	4.6	0.75	5.4	4.0	3	7.0	
294	001068	Nguyễn Hoài My	15/11/2010	10A7	3.6	2.25	5.9	6	0.3	3.0	1.4	4.7	2.8	0	2.8							4.9	1.5	6.4	3.4	2	5.4	4.5	2	6.5	
295	001070	Nguyễn Hoàng Nam	18/07/2010	10A7	4.1	2.5	6.6	5.3	0.2	3.8	3	7	4.8	1	5.8							5.5	0.75	6.3	4.3	1.25	5.6	6.0	3	9.0	
296	001073	Đình Hoàng Bảo Ngọc	16/02/2010	10A7	2.6	2.5	5.1	5.3	0.3	2.9	2.6	5.8	2.8	0.5	3.3							5.0	1.5	6.5	3.3	1.5	4.8	4.5	2.5	7.0	
297	001078	Nguyễn Thành Nhân	28/08/2010	10A7	4.3	2.25	6.6	6	0.4	3.3	2.2	5.9	4.8	1.25	6.1							5.0	1	6.0	3.1	0.75	3.9	5.3	2	7.3	
298	001079	Hoàng Thị Thanh Nhi	21/12/2010	10A7	4.4	2.75	7.2	6.5	0.2	3.2	2.2	5.6	5.3	1.5	6.8							4.0	2.5	6.5	4.5	2.5	7.0	5.5	2	7.5	
299	001081	Võ Trần Yến Nhi	12/07/2009	10A7	2.4	2.75	5.2	5.8	0.2	2.6	2.2	5	4.8	1	5.8							6.3	2.25	8.6	3.9	2	5.9	4.8	3	7.8	
300	001082	Nguyễn Huỳnh Như	04/06/2010	10A7	2.9	2	4.9	5	0.6	5.1	1.8	7.5	4.5	0	4.5							4.5	1.75	6.3	3.6	2.75	6.4	5.0	2.5	7.5	
301	001084	Nguyễn Quỳnh Như	30/09/2010	10A7	4.6	2.5	7.1	6.5	0.3	3.5	2.2	6	4.8	0	4.8							4.3	3	7.3	3.5	1.75	5.3	6.0	3	9.0	
302	001092	Nguyễn Ngọc Thảo Phương	31/10/2010	10A7	5.0	2.75	7.8	7.3	0.3	2.9	2.2	5.4	5.0	1.5	6.5							6.3	3	9.3	5.8	3	8.8	6.5	3	9.5	
303	001094	Cao Xuân Quân	24/02/2010	10A7	3.6	2.5	6.1	5.8	0.3	2.9	1.6	4.8	5.8	1	6.8							5.8	0	5.8	4.0	1.5	5.5	4.8	3	7.8	
304	001098	Huỳnh Thị Minh Sâm	17/11/2010	10A7	3.9	2.25	6.2	6.8	0.5	3.5	2.2	6.2	4.5	0	4.5							4.9	1	5.9	2.6	2.25	4.9	5.3	2.5	7.8	
305	001099	Ngô Minh Sơn	03/10/2010	10A7	2.8	2	4.8	5.8	0.7	4.4	2.2	7.3	4.8	1.5	6.3							5.3	2.75	8.1	4.8	2	6.8	4.8	3	7.8	
306	001103	Nguyễn Hoàng Tâm	22/01/2010	10A7	3.1	1.75	4.9	5.8	0.1	3.8	2.6	6.5	5.3	1.25	6.6							5.3	2	7.3	3.1	2	5.1	4.3	3	7.3	
307	001104	Trần Đức Tâm	18/04/2010	10A7	4.7	3	7.7	6.5	0.4	3.5	1.8	5.7	5.8	1.75	7.6							5.8	3	8.8	4.9	2.75	7.7	6.3	3	9.3	
308	001106	Phạm Ngọc Quốc Thái	12/08/2010	10A7	3.1	2.25	5.4	5.3	0.4	2.4	1.4	4.2	4.8	0.25	5.1							6.3	3	9.3	5.3	2.5	7.8	6.8	2	8.8	
309	001107	Nguyễn Lê Trí Thành	05/09/2010	10A7	4.2	2.5	6.7	5.3	0.4	3.5	2.4	6.3	5.5	0.75	6.3							4.8	2.5	7.3	6.0	2.25	8.3	5.8	2.75	8.6	
310	001108	Phạm Nguyễn Hồng Thắm	17/07/2010	10A7	4.0	2.25	6.3	6	0.5	3.6	1.8	5.9	3.5	1.5	5.0							5.3	2	7.3	3.1	2.25	5.4	5.1	3	8.1	
311	001109	Võ Minh Thiện	19/08/2010	10A7	2.4	2.25	4.7	6.3	0.5	2.7	2	5.2	4.5	1.5	6.0							5.1	3	8.1	3.8	2	5.8	6.0	3	9.0	
312	001111	Đỗ Anh Thư	06/03/2010	10A7	4.9	2.25	7.2	7	0.3	3.6	1.8	5.7	4.0	0.5	4.5							4.8	1.5	6.3	3.6	2	5.6	5.0	2	7.0	
313	001113	Nguyễn Trần Minh Thư	24/09/2010	10A7	2.6	2.75	5.4	6.8	0.3	2.9	2	5.2	4.3	0.5	4.8							4.4	2	6.4	1.3	2	3.3	6.0	2.5	8.5	
314	001118	Nguyễn Minh Trí	14/11/2010	10A7	3.5	2	5.5	6.3	0.2	3.9	1.2	5.3	4.8	1	5.8							5.0	0	5.0	2.1	1.25	3.4	5.5	1	6.5	
315	001127	Hoàng Lê Thanh Vân	20/09/2010	10A7	3.0	2.25	5.3	7.8	0.2	3.6	2.2	6	3.8	0.75	4.6							6.0	3	9.0	5.0	2.5	7.5	5.8	3	8.8	
316	001129	Phan Phú Vinh	22/03/2010	10A7	3.6	2.25	5.9	7	0.2	2.7	2.2	5.1	4.8	0.5	5.3							5.8	1	6.8	2.8	2.25	5.1	5.8	2.5	8.3	
317	001130	Phan Văn Quốc Vương	23/11/2010	10A7	3.7	2.5	6.2	5.8	0.2	4.4	2.2	6.8	5.8	1.5	7.3							5.5	1	6.5	4.4	0	4.4	4.6	2.5	7.1	
318	001131	Nguyễn Thị Bảo Vy	24/08/2010	10A7	3.9	3	6.9	8	0.3	3.8	2.2	6.3	4.8	1	5.8							5.5	2.5	8.0	6.3	2.5	8.8	5.3	2.5	7.8	
319	001132	Nguyễn Thùy Kiều Vy	14/03/2010	10A7	3.6	3	6.6	7.5	0.3	3.2	1.8	5.3	5.8	2	7.8							6.0	2.5	8.5	4.8	2.25	7.1	7.0	2.5	9.5	
320	001004	Nguyễn Thiên An	22/11/2010	10A8	3.8	2.25	6.1	4.3	0.2	3.2	1.8	5.2	5.3	2	7.3							3.6	0.75	4.4	4.3	1.25	5.6	5.5	2.5	8.0	
321	001006	Nguyễn Duy Anh	10/01/2010	10A8	4.4	1.75	6.2	5.3	0.4	2.7	2.6	5.7	4.8	1	5.8							6.0	1	7.0	4.6	2.5	7.1	5.5	3	8.5	
322	001008	Nguyễn Quốc Anh	21/05/2010	10A8	1.6	1.75	3.4	5.5	0.1	2.6	1.8	4.5	3.0	1	4.0							5.3	1.75	7.1	3.8	1.75	5.6	5.5	2.5	8.0	
323	001009	Nguyễn Trâm Anh	08/11/2010	10A8	4.0	1.5	5.5	4	0.1	2.7	1.2	4	6.0	1.5	7.5							4.1	1	5.1	4.1	0.75	4.9	5.5	2	7.5	
324	001013	Lê Khắc BẢO	19/09/2010	10A8	4.5	2.25	6.8	5.8	0.4	3.5	2.6	6.5	5.0	2.5	7.5							3.1	1	4.1	2.8	1	3.8	5.5	2.5	8.0	
325	001014	Đỗ Gia Bảo	12/06/2010	10A8	3.0	2.5	5.5	6.3	0.1	2.7	2.6	5.4	3.8	2.5	6.3							4.8	2.75	7.6	4.8	2.25	7.1	4.5	2.5	7.0	
326	001020	Nguyễn Kim Dung	06/11/2010	10A8	4.3	2.75	7.1	5.5	0.2	2.6	2.6	5.4	4.8	1.5	6.3							4.8	1.5	6.3	3.3	1.25	4.6	5.5	3	8.5	
327	001021	Nguyễn Quang Dũng	30/06/2010	10A8	5.2	3	8.2	6	0.3	4.1	2.6	7	5.0	3	8.0							4.8	2.25	7.1	6.3	2.75	9.1	5.3	3	8.3	
328	001023	Hồ Thị Thùy Duyên	11/06/2010	10A8	1.8	1	2.8	5.8	0.2	3.2	2.2	5.6	3.8	1.75	5.6							4.6	1.75	6.4	2.6	2.5	5.1	4.5	2.5	7.0	
329	001025	Võ Lê Quốc Đạt	10/05/2010	10A8	3.9	1.75	5.7	6.5	0.3	3.6	2.6	6.5	5.0	2.75	7.8							4.8	2.25	7.1	3.1	1.5	4.6	5.3	2.5	7.8	
330	001026	Đào Minh Đức	07/02/2010	10A8	3.4	1.5	4.9	6	0.5	3.8	2.2	6.5	4.3	1.5	5.8							6.3	1.75	8.1	3.1	1	4.1	5.0	1	6.0	
331	001035	Dương Ngọc Hân	09/06/2008	10A8	4.3	2.25	6.6	7.3	0.5	3.3	2.2	6	5.3	2	7.3							5.5	3	8.5	5.0	3	8.0	6.0	3	9.0	
332	001036	Lê Bảo Hân	04/02/2010	10A8	2.4	1.25	3.7	4.3	0.2	3.8	2.6	6.6	3.3	1	4.3							4.0	1	5.0	4.3	2	6.3	4.8	2.5	7.3	
333	001039	Cao Quốc Hùng	06/11/2010	10A8	3.3	2	5.3	5	0.4	2.9	2.2	5.5	4.0	2	6.0							4.4	1	5.4	3.5	1.5	5.0	4.9	2.25	7.2	
334	001040	Đỗ Gia Huy	03/06/2010	10A8	3.5	1	4.5	6.3	0.3	2.3	1	3.6	3.8	1.25	5.1							3.1	1	4.1	4.4	0.5	4.9	4.5	1.75	6.3	
335	001043	Nguyễn Hoàng Nhật Huy	06/03/2010	10A8	3.1	1.5	4.6	6	0.2	4.2	2.2	6.6	3.8	2	5.8							5.8	2	7.8	2.9	1.25	4.2	5.5	1.25	6.8	
336	001047	Lê Khánh Huyền	14/08/2010	10A8	2.6	1.5	4.1	6	0.1	3.3	2.2	5.6	5.0	0.5	5.5							4.5	1	5.5	3.3	2	5.3	6.3	2.5	8.8	
337	001051	Lê Thanh Khải	27/10/2010	10A8	5.1	3	8.1	6.8	0.1	3.3	2.2	5.6	5.8	2.75	8.6							6.5	2.5	9.0	4.0	2.5	6.5	6.0	3	9.0	
338	001056	Nguyễn Trần Anh Khoa	14/11/2010	10A8	3.9	1.5	5.4	7	0.1	3.0	2.6	5.7	4.0	3	7.0							5.8	2	7.8	2.8	2	4.8	4.0	3	7.0	
339	001058	La Thanh Lâm	06/10/2010	10A8	3.9	2.5	6.4	6.3	0	2.9	1.4	4.3	3.8	0.5	4.3							5.0	0.5	5.5	3.3	0.75	4.1	5.1	2	7.1	
340	001059	Phan Tùng Lâm	20/12/2010	10A8	3.3	1	4.3	5	0.8	4.5	2.2	7.5	4.3	2	6.3							6.3	2	8.3	3.5	1.5	5.0	5.5	1	6.5	
341	001060	Hà Mai Linh	01/10/2010	10A8	1.9	1.75	3.7	7	0.3	2.7	1.8	4.8	3.8	2	5.8							3.5	1.5	5.0	2.6	2	4.6	4.0	3	7.0	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
342	001061	Ngô Văn Linh	29/06/2010	10A8	2.3	1.5	3.8	5	0.3	2.3	2	4.6	3.5	1.25	4.8							3.6	1	4.6	3.9	1.25	5.2	4.1	2.5	6.6	
343	001065	Lâm Bình Minh	28/12/2010	10A8	4.6	2.75	7.4	5.3	0.2	2.6	2.6	5.4	4.5	2.25	6.8							4.8	2.25	7.1	4.6	2.25	6.9	5.8	2.5	8.3	
344	001067	Nguyễn Hoàng Minh	30/07/2010	10A8	3.1	1.75	4.9	6.5	0.2	3.5	1.8	5.5	3.5	1	4.5							4.5	2	6.5	1.4	1	2.4	4.8	2.5	7.3	
345	001069	Nguyễn Ngọc Hà My	03/06/2010	10A8	1.2	1.5	2.7	6.5	0.3	2.4	2.6	5.3	2.8	0.5	3.3							4.3	1.75	6.1	3.0	2.5	5.5	3.8	2	5.8	
346	001074	Lê Hoàng Bảo Ngọc	05/03/2010	10A8	4.1	3	7.1	6	0.1	3.8	2.2	6.1	6.0	2.5	8.5							5.0	2	7.0	3.6	1.75	5.4	4.5	2.5	7.0	
347	001076	Trần Bích Ngọc	07/07/2010	10A8	4.8	2.5	7.3	5.5	0.2	3.3	1.8	5.3	6.0	2.5	8.5							4.9	2.75	7.7	5.3	2.5	7.8	5.9	2.5	8.4	
348	001077	Trần Xuân Kim Ngọc	19/10/2010	10A8	2.3	1.25	3.6	6.5	0.3	3.3	2.6	6.2	4.0	1	5.0							5.8	1.5	7.3	3.5	1.5	5.0	5.8	3	8.8	
349	001080	Nguyễn Trần Yến Nhi	23/09/2010	10A8	3.7	2.5	6.2	6.8	0.4	3.6	2.2	6.2	7.0	2.5	9.5							3.8	2	5.8	3.0	3	6.0	5.8	2.5	8.3	
350	001085	Trần Huỳnh Ái Như	04/01/2010	10A8	3.6	2.25	5.9	5.5	0.3	3.3	1.8	5.4	4.5	2.25	6.8							3.8	3	6.8	3.4	1.25	4.7	5.3	2.5	7.8	
351	001089	Nguyễn Huỳnh Thiên Phúc	09/06/2010	10A8	3.0	3	6.0	5.8	0.3	2.7	2.2	5.2	3.5	1.75	5.3							5.4	2	7.4	4.0	3	7.0	5.0	2.5	7.5	
352	001091	Nguyễn Minh Phương	24/05/2010	10A8	2.3	1.75	4.1	4.5	0.1	1.8	2.8	4.7	3.8	1.25	5.1							4.8	1.5	6.3	1.4	1.5	2.9	4.0	3	7.0	
353	001095	Trần Phú Quý	16/06/2009	10A8	3.2	1.75	5.0	4.8	0.2	3.8	1.2	5.2	3.8	2.25	6.1							4.8	2	6.8	3.5	1.75	5.3	4.8	1.5	6.3	
354	001097	Nguyễn Như Quỳnh	06/02/2010	10A8	2.6	1.5	4.1	7.5	0.1	2.7	2.2	5	3.8	1.5	5.3							5.5	1.5	7.0	4.0	2.25	6.3	5.8	3	8.8	
355	001100	Nguyễn Quang Sơn	12/05/2009	10A8	2.2	1.25	3.5	5.5	0.4	2.3	1	3.7	4.3	0.5	4.8							3.5	2	5.5	3.5	1.25	4.8	3.8	2	5.8	
356	001101	Trương Nguyễn Hoàng Sơn	31/07/2010	10A8	3.2	1.5	4.7	5.3	0.1	3.5	1.4	5	4.5	2	6.5							5.5	2	7.5	3.9	1	4.9	4.8	3	7.8	
357	001110	Bùi Đức Thịnh	26/12/2010	10A8	4.3	1.75	6.1	6.5	0.7	4.8	2.6	8.1	5.5	2.25	7.8							6.3	3	9.3	3.4	1.5	4.9	6.3	3	9.3	
358	001112	Lê Thị Mộng Thư	27/11/2009	10A8	3.0	1.25	4.3	7.8	0	3.2	2.6	5.8	6.0	2.5	8.5							6.3	3	9.3	4.3	2.25	6.6	5.5	2	7.5	
359	001114	PHAM QUỐC TIỀNG	11/05/2010	10A8	3.0	2.75	5.8	6.3	0.2	3.0	2.6	5.8	5.8	2.25	8.1							5.8	2	7.8	5.3	1.5	6.8	6.3	3	9.3	
360	001116	Đỗ Minh Trí	11/03/2010	10A8	2.4	1.75	4.2	7	0.4	2.1	1.4	3.9	3.8	0.75	4.6							5.5	2.5	8.0	3.5	1.25	4.8	5.3	2.5	7.8	
361	001120	Vũ Thị Phương Trinh	26/09/2009	10A8	3.3	1	4.3	7.8	0.1	2.9	2.4	5.4	4.8	2.5	7.3							4.8	2	6.8	4.3	2.25	6.6	5.0	3	8.0	
362	001123	HUYNH TUẤN TÚ	08/07/2010	10A8	5.0	2.5	7.5	7.5	0.6	3.8	2.6	7	5.3	3	8.3							4.4	2	6.4	5.6	2.25	7.9	5.0	2.5	7.5	
363	001126	Trần Thị Tố Uyên	21/05/2010	10A8	4.8	2.5	7.3	7.5	0	3.8	2.6	6.4	5.3	2.5	7.8							4.5	2.5	7.0	5.5	2	7.5	5.0	2	7.0	
364	001133	Nguyễn Tường Vy	14/06/2010	10A8	2.8	2.5	5.3	5.8	0.3	2.6	1.8	4.7	4.0	1.25	5.3							4.8	1.5	6.3	2.0	1.5	3.5	6.0	2.75	8.8	
365	001005	Đặng Hồng Anh	24/06/2010	10A9	4.1	2.75	6.9	2.8	0.2	2.6	2	4.8	5.0	2.5	7.5							4.3	1.5	5.8	2.9	0.75	3.7	4.3	2.5	6.8	
366	001007	Nguyễn Kim Quỳnh Anh	26/02/2010	10A9	6.0	3	9.0	6	0.4	3.6	3	7	6.5	2.75	9.3							6.5	2.75	9.3	6.5	2	8.5	5.8	2.5	8.3	
367	001010	Nguyễn Tuấn Anh	04/11/2010	10A9	2.6	2	4.6	5.3	0.6	3.2	2.4	6.2	3.3	1.25	4.6							4.0	2.5	6.5	5.3	2.5	7.8	5.8	3	8.8	
368	001015	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	16/06/2010	10A9	2.4	1.5	3.9	2.3	0.4	2.9	1	4.3	3.3	0.5	3.8							4.0	0	4.0	2.8	0.5	3.3	4.3	1	5.3	
369	001019	Phan Lê Thành Danh	04/10/2010	10A9	3.0	1.5	4.5	4.3	0.4	2.4	1.4	4.2	5.3	1	6.3							4.8	0.5	5.3	4.0	1	5.0	4.5	2.5	7.0	
370	001022	Trần Hiếu Duy	23/11/2010	10A9	2.1	1.75	3.9	3.5	0.3	2.4	2.6	5.3	2.8	1.75	4.6							2.8	0.25	3.1	2.9	1.25	4.2	3.8	1.5	5.3	
371	001027	Ngô Minh Đức	15/05/2010	10A9	3.8	3	6.8	5.8	0.5	2.7	2.6	5.8	6.0	2	8.0							5.8	1	6.8	4.0	1.75	5.8	5.5	3	8.5	
372	001029	Lê Giàu	21/01/2010	10A9	2.8	2.75	5.6	5.8	0.4	3.3	2	5.7	3.0	1	4.0							3.9	0	3.9	3.3	1	4.3	5.3	2	7.3	
373	001031	Nguyễn Hải Hà	25/04/2010	10A9	3.9	1.5	5.4	5	0.4	2.9	2.2	5.5	2.5	1.25	3.8							2.6	1	3.6	2.5	0.75	3.3	3.5	2	5.5	
374	001032	Nguyễn Ngọc Vân Hà	20/07/2010	10A9	2.6	2	4.6	6.8	0	2.9	1.8	4.7	6.5	2	8.5							6.5	3	9.5	6.0	2.5	8.5	6.8	2.5	9.3	
375	001033	Đình Kiến Hạo	01/01/2010	10A9	3.9	2.5	6.4	5	1	4.8	3	8.8	4.0	0.5	4.5							5.8	2	7.8	4.5	2.5	7.0	4.0	2.5	6.5	
376	001034	HUYNH NGOC GIA HÂN	14/01/2010	10A9	4.0	1.75	5.8	4.8	0.4	3.8	2.4	6.6	4.3	2	6.3							5.8	3	8.8	3.8	1	4.8	3.9	2.5	6.4	
377	001038	Phan Trần Minh Hoàng	24/09/2009	10A9	2.2	0.75	3.0	4	0.5	2.7	2.6	5.8	3.8	1	4.8							3.3	1	4.3	3.3	2	5.3	3.3	2.5	5.8	
378	001042	Nguyễn Hoàng Gia Huy	13/01/2010	10A9	2.6	1	3.6	5	0.5	2.7	2	5.2	3.3	1.25	4.6							5.5	1	6.5	5.5	2	7.5	7.0	2	9.0	
379	001044	Nguyễn Khánh Huy	02/06/2010	10A9	3.1	2	5.1	4	0.3	3.2	0.6	4.1	3.5	0	3.5							5.5	0.25	5.8	3.0	1	4.0	5.3	2.5	7.8	
380	001046	Nguyễn Thành Huy	15/10/2010	10A9	2.6	2.25	4.9	5	0.4	3.0	2.2	5.6	4.0	2.5	6.5							4.8	3	7.8	4.5	2	6.5	5.3	1.5	6.8	
381	001048	Đình Phùng Duy Hưng	13/11/2010	10A9	4.0	2.5	6.5	4.5	0.3	2.1	0.2	2.6	4.0	1	5.0							5.3	1.25	6.6	3.3	2	5.3	3.5	1.5	5.0	
382	001049	Phạm Nhật Hưng	17/08/2010	10A9	5.0	2.5	7.5	5	0.4	2.4	2.2	5	5.0	1.5	6.5							6.3	2	8.3	4.5	1.5	6.0	5.3	2.5	7.8	
383	001050	Trần Nguyễn Thu Hương	02/04/2010	10A9	3.7	2.75	6.5	4.5	0.2	2.7	2.6	5.5	4.5	2.75	7.3							5.8	1	6.8	3.9	2.5	6.4	5.8	2.5	8.3	
384	001052	Trần Quang Khải	29/08/2010	10A9	5.0	2.5	7.5	6.3	0	3.0	2.2	5.2	6.3	1.5	7.8							6.8	3	9.8	5.0	2.5	7.5	5.5	3	8.5	
385	001062	Nguyễn Trần Gia Linh	07/03/2010	10A9	3.2	1.25	4.5	5	0.5	2.4	2.2	5.1	4.0	1	5.0							4.3	1.5	5.8	2.5	1.25	3.8	3.8	0.5	4.3	
386	001063	Nguyễn Thái Minh Long	28/04/2010	10A9	4.1	2.5	6.6	5.8	0.4	3.0	2.6	6	4.8	2	6.8							6.0	1.75	7.8	3.0	2.25	5.3	5.8	3	8.8	
387	001064	Ngô Hoàng Hạ Ly	08/07/2010	10A9	4.3	3	7.3	5.8	0.5	3.5	2.4	6.4	4.3	0.5	4.8							4.8	2.5	7.3	5.1	2.25	7.4	5.0	3	8.0	
388	001071	ĐỖ THỊ KIM NGỌC	28/10/2010	10A9	4.7	2.75	7.5	6	0.3	3.6	2.6	6.5	5.0	2.5	7.5							4.3	2.25	6.6	4.0	2.75	6.8	4.4	3	7.4	
389	001072	Lê Hoàng Thanh Nga	26/11/2010	10A9	3.0	2.75	5.8	6.3	0.4	3.9	2.6	6.9	4.3	1.75	6.1							4.4	2.25	6.7	5.0	2.5	7.5	5.4	3	8.4	
390	001075	Nguyễn Thị Bích Ngọc	04/01/2010	10A9	3.9	3	6.9	5	0.2	2.4	2.2	4.8	5.3	2.5	7.8							5.0	1.75	6.8	4.8	2.25	7.1	3.9	3	6.9	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
391	001083	Nguyễn Quỳnh Như	11/11/2010	10A9	3.5	2.5	6.0	5.3	0.2	2.9	1.6	4.7	3.5	0.75	4.3							5.3	2	7.3	3.1	2.5	5.6	4.5	2	6.5	
392	001086	Nguyễn Kiều Oanh	16/02/2010	10A9	2.8	2.5	5.3	5	0.4	3.5	2.2	6.1	3.8	1.25	5.1							3.4	3	6.4	4.9	2	6.9	4.0	2	6.0	
393	001087	Nguyễn Thành Phát	22/08/2010	10A9	3.7	2.25	6.0	5	0.4	3.5	1	4.9	4.0	2	6.0							4.0	2	6.0	5.3	2.25	7.6	4.8	2	6.8	
394	001088	Bạch Hoàng Phúc	21/10/2010	10A9	5.0	2.75	7.8	5	0.5	3.2	2.6	6.3	6.0	2.5	8.5							5.8	2	7.8	5.5	2.5	8.0	5.3	2.5	7.8	
395	001090	Trần Diễm Phúc	07/10/2010	10A9	2.7	2.5	5.2	5.3	0.4	2.1	2.6	5.1	3.0	2	5.0							3.4	1.25	4.7	4.8	1.75	6.6	6.3	2.5	8.8	
396	001093	Bùi Anh Quân	26/11/2010	10A9	3.4	2.75	6.2	5.5	0.1	2.7	2.2	5	5.5	1.75	7.3							6.3	2	8.3	4.8	2.5	7.3	6.5	3	9.5	
397	001096	Mai Nguyễn Như Quỳnh	02/11/2010	10A9	1.9	1.75	3.7	7.5	0.2	2.7	1.4	4.3	3.3	1.5	4.8							4.4	2	6.4	3.9	2	5.9	5.5	2.5	8.0	
398	001102	Nguyễn Thành Tài	16/07/2010	10A9	4.6	2.5	7.1	5	0.3	3.5	2.8	6.6	6.0	3	9.0							5.3	3	8.3	4.3	2	6.3	5.3	2.5	7.8	
399	001105	Nguyễn Hoàng Thanh Tân	27/08/2010	10A9	2.9	2.25	5.2	5.3	0.6	3.8	1.8	6.2	4.5	1	5.5							5.0	2	7.0	4.0	1.25	5.3	4.5	3	7.5	
400	001115	Phạm Thị Ngọc Trang	30/07/2010	10A9	3.6	3	6.6	6.5	0.2	3.6	2.2	6	3.8	1.5	5.3							5.3	2	7.3	3.3	2.5	5.8	3.8	3	6.8	
401	001117	Nguyễn Hoàng Trí	02/03/2010	10A9	4.1	3	7.1	6.5	0.5	3.8	2.4	6.7	5.8	3	8.8							5.3	3	8.3	5.3	2.25	7.6	6.0	2.5	8.5	
402	001119	Trần Thị Tuyết Trinh	20/10/2010	10A9	3.3	2	5.3	6	0.5	2.4	1	3.9	3.8	1	4.8							4.0	2	6.0	3.3	2.5	5.8	5.0	3	8.0	
403	001121	Ma Quốc Trung	17/08/2010	10A9	3.7	1.5	5.2	4.8	0.6	3.6	0.8	5	4.3	1	5.3							5.0	1	6.0	4.8	2	6.8	3.9	1.5	5.4	
404	001122	Trần Lê Khánh Trường	28/05/2010	10A9	4.5	2.75	7.3	5.3	0.3	2.9	2.6	5.8	4.8	0.25	5.1							4.3	1	5.3	3.9	2	5.9	5.0	2.5	7.5	
405	001124	Ngô Hoài Anh Tuấn	18/03/2010	10A9	2.7	1.5	4.2	4.8	0	2.6	1.4	4	4.0	1.5	5.5							3.8	2	5.8	2.9	0.25	3.2	3.5	1.5	5.0	
406	001125	Võ Huỳnh Thanh Tuyền	19/03/2010	10A9	3.2	2.5	5.7	6.3	0.2	2.6	1.4	4.2	4.0	2.5	6.5							5.8	2	7.8	4.8	2.5	7.3	5.1	3	8.1	
407	001128	Nguyễn Quốc Việt	13/09/2010	10A9	4.1	3	7.1	6	0.5	3.5	2.2	6.2	6.0	2	8.0							5.8	1.5	7.3	5.8	2.25	8.1	5.8	3	8.8	
408	001134	Phạm Nguyễn Ngọc Tường Vy	29/12/2010	10A9	2.8	3	5.8	5.5	0.2	2.9	2.6	5.7	4.3	2.5	6.8							5.8	3	8.8	6.0	2.25	8.3	5.0	3	8.0	
409	001135	Phạm Thị Vy	28/07/2010	10A9	3.0	2	5.0	8	0.5	3.2	1.8	5.5	4.0	1.5	5.5							4.8	2.5	7.3	5.0	2.25	7.3	6.3	3	9.3	
410	001136	Đỗ Hải Yến	20/08/2010	10A9	4.8	3	7.8	6.7	0.5	3.9	3	7.4	5.0	2	7.0							4.0	3	7.0	4.5	2	6.5	5.4	3	8.4	
411	001141	Lê Tuấn Anh	08/02/2010	10A10	4.3	2	6.3	4.3	0.3	3.3	2.2	5.8				2.8	0	2.8	3.8	0.25	4.1	2.5	2	4.5	5.3	2.5	7.8				
412	001142	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	15/09/2010	10A10	4.4	3	7.4	7	0.5	4.1	2.6	7.2				6.0	2	8.0	5.8	1.25	7.1	4.5	1.75	6.3	5.8	2.5	8.3				
413	001144	Phan Huỳnh Minh Anh	21/08/2010	10A10	3.3	0.75	4.1	3.5	0.1	3.3	0.4	3.8				4.0	0.5	4.5	3.8	0	3.8	3.4	0	3.4	4.0	1	5.0				
414	001147	Trương Ngọc Trâm Anh	14/01/2010	10A10	2.8	2.25	5.1	5.3	0.3	3.5	2	5.8				6.0	2.5	8.5	5.6	0	5.6	4.0	2	6.0	4.6	2.5	7.1				
415	001149	Nguyễn Hoàng Bảo	24/12/2010	10A10	2.4	0.75	3.2	4	0.4	2.0	1.4	3.8				5.0	1.25	6.3	6.0	2	8.0	4.8	2	6.8	6.0	3	9.0				
416	001150	Phạm Huỳnh Khánh Bằng	01/01/2010	10A10	2.8	2.25	5.1	5.3	0.1	2.4	2.2	4.7				5.8	1.75	7.6	4.6	1.25	5.9	5.0	2	7.0	3.3	2	5.3				
417	001151	Nguyễn Trung Chánh	16/06/2010	10A10	4.5	1.75	6.3	5	0.3	2.1	1.6	4				4.8	2.5	7.3	4.9	0.75	5.7	5.0	2.25	7.3	5.5	2	7.5				
418	001152	Lê Trần Minh Châu	08/10/2010	10A10	3.6	2	5.6	5	0.4	2.6	1.8	4.8				5.0	1.5	6.5	5.0	2	7.0	2.9	1.75	4.7	5.3	1	6.3				
419	001153	Trương Ngọc Diệp	22/02/2010	10A10	2.9	2	4.9	4.8	0.2	2.9	2.6	5.7				3.5	1.5	5.0	5.5	0	5.5	3.3	1.75	5.1	4.3	1.5	5.8				
420	001156	Phan Thị Thùy Dương	15/08/2010	10A10	4.2	3	7.2	6	0.5	3.2	2.2	5.9				6.3	2.75	9.1	5.0	2.25	7.3	5.3	2.5	7.8	5.5	2.5	8.0				
421	001158	Nguyễn Tiến Đạt	12/03/2010	10A10	3.7	2.75	6.5	3.5	0.1	2.7	1	3.8				4.8	0.75	5.6	5.0	0	5.0	2.5	2	4.5	5.3	2.5	7.8				
422	001159	Phú Thành Đạt	07/02/2010	10A10	3.1	2.5	5.6	5	0.3	3.2	2.2	5.7				6.0	0.5	6.5	4.6	1	5.6	5.0	1.5	6.5	4.5	2.5	7.0				
423	001164	Nguyễn Ngọc Gia Hân	10/06/2010	10A10	2.7	1.5	4.2	5	0.1	2.7	2.2	5				3.3	1	4.3	3.8	1.5	5.3	4.3	2.25	6.6	4.8	2.25	7.1				
424	001165	Đặng Phúc Hậu	01/06/2010	10A10	3.8	2.25	6.1	6	0.3	2.9	1.6	4.8				5.8	0.75	6.6	5.5	0.75	6.3	3.8	2	5.8	4.0	2	6.0				
425	001166	Bùi Kim Hiếu	12/06/2010	10A10	5.2	3	8.2	5.8	0.1	2.7	2.2	5				6.5	1.5	8.0	5.5	1	6.5	5.0	2	7.0	6.0	2	8.0				
426	001169	Nguyễn Lê Hoàng Hiếu	20/10/2010	10A10	4.2	1.5	5.7	5.8	0.1	3.2	1.8	5.1				4.3	0.5	4.8	5.5	2	7.5	3.8	1.25	5.1	4.5	2.5	7.0				
427	001170	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	20/02/2010	10A10	3.8	2.5	6.3	6.3	0.3	2.7	1.8	4.8				5.5	2	7.5	3.9	2	5.9	4.2	2.25	6.5	5.3	3	8.3				
428	001173	Phạm Hoàng Gia Huy	21/10/2009	10A10	4.5	3	7.5	6.3	0.2	2.3	2.2	4.7				5.9	1.75	7.7	4.4	2	6.4	4.8	3	7.8	6.0	3	9.0				
429	001178	Vương Thế Khang	25/11/2010	10A10	4.8	3	7.8	6	0.2	2.9	2	5.1				6.3	2	8.3	6.0	3	9.0	5.9	2.5	8.4	6.3	2.75	9.1				
430	001182	Phạm Tuấn Kiệt	06/01/2010	10A10	4.8	3	7.8	5.5	0.2	3.2	2.2	5.6				6.3	1	7.3	5.0	1	6.0	6.5	1.5	8.0	6.5	1.5	8.0				
431	001183	Đoàn Thiên Kim	09/01/2010	10A10	4.6	2.5	7.1	5.5	0.3	2.7	2.2	5.2				5.8	2.5	8.3	6.0	3	9.0	4.3	2	6.3	5.5	2	7.5				
432	001185	Chung Thanh Lâm	10/11/2010	10A10	3.0	3	6.0	5.8	0.3	2.9	1.8	5				5.8	1	6.8	4.0	2	6.0	5.3	2.25	7.6	5.8	2.75	8.6				
433	001192	Lý Thị Trúc Mai	17/06/2010	10A10	4.0	2.75	6.8	6.8	0.2	3.2	1.8	5.2				5.4	2	7.4	4.1	1.5	5.6	4.6	1.75	6.4	4.8	3	7.8				
434	001193	Nguyễn Xuân Mai	21/03/2010	10A10	4.2	3	7.2	6.8	0.3	2.7	1.8	4.8				6.0	2.5	8.5	5.6	2.5	8.1	5.8	2.5	8.3	5.8	3	8.8				
435	001194	Hồ Văn Mạnh	14/12/2010	10A10	3.7	1.5	5.2	5.5	0.2	2.1	1.2	3.5				6.3	1	7.3	4.4	0	4.4	2.9	1.75	4.7	5.3	1	6.3				
436	001204	Đoàn Thiên Ngọc	09/01/2010	10A10	3.3	2.5	5.8	6	0.1	3.6	2.2	5.9				6.3	2	8.3	6.0	3	9.0	4.8	2	6.8	6.3	3	9.3				
437	001205	Lê Mỹ Ngọc	06/01/2010	10A10	5.3	3	8.3	6.8	0.2	3.0	2.2	5.4				6.5	2.5	9.0	6.3	3	9.3	5.8	2.25	8.1	6.8	3	9.8				
438	001206	Nguyễn Thị Minh Ngọc	03/09/2010	10A10	5.2	3	8.2	5	0.4	3.5	1.8	5.7				6.3	2.5	8.8	4.6	3	7.6	5.1	2	7.1	6.0	2	8.0				
439	001214	Nguyễn Thị Yến Nhi	20/02/2010	10A10	3.4	2.5	5.9	3.8	0.5	2.9	2.2	5.6				5.3	1	6.3	4.1	0.75	4.9	4.3	2	6.3	4.5	2.5	7.0				

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
440	001216	Nguyễn Thị Huỳnh Như	28/08/2010	10A10	4.2	2.5	6.7	5.8	0.1	3.2	1.4	4.7							2.8	0.75	3.6	4.5	0	4.5	4.6	2	6.6	5.0	1	6.0	
441	001217	Phạm Phan Quỳnh Như	02/06/2010	10A10	4.7	3	7.7	4.3	0.4	2.4	2.2	5							6.5	2	8.5	5.3	2	7.3	5.1	2	7.1	7.0	3	10.0	
442	001223	Nguyễn Văn Phúc	22/09/2010	10A10	4.5	2	6.5	5.5	0.2	2.9	1.8	4.9							4.4	0	4.4	5.0	0.5	5.5	4.8	1	5.8	4.3	2.5	6.8	
443	001234	Nguyễn Minh Tấn	14/10/2010	10A10	3.9	3	6.9	5.5	0.2	2.3	1.8	4.3							6.3	1	7.3	5.3	0.5	5.8	5.8	2	7.8	6.3	2	8.3	
444	001236	Lê Huỳnh Thạch Thảo	11/07/2010	10A10	3.6	2.5	6.1	5.8	0.4	2.6	2.2	5.2							4.3	1.25	5.6	3.8	1	4.8	5.1	1.75	6.9	5.3	2	7.3	
445	001238	Lâm Quyết Thắng	18/12/2010	10A10	3.5	1.75	5.3	5.5	0.4	4.1	2.2	6.7							5.5	2	7.5	6.3	1.5	7.8	4.5	2	6.5	5.0	3	8.0	
446	001239	Nguyễn Đình Thắng	29/07/2010	10A10	3.6	0	3.6	3.5	0.5	2.9	2.2	5.6							5.0	0.5	5.5	2.2	0.5	2.7	2.2	1.25	3.5	5.0	3	8.0	
447	001242	Lưu Lý Đức Thuận	14/11/2009	10A10	3.0	2	5.0	5.5	0.3	2.4	1.8	4.5							5.0	2	7.0	5.1	1	6.1	3.8	2.5	6.3	3.3	3	6.3	
448	001245	Trương Hoài Thương	10/04/2010	10A10	1.9	2.25	4.2	5.3	0.2	1.1	1.8	3.1							5.5	1.5	7.0	3.8	0	3.8	5.0	2	7.0	3.9	2	5.9	
449	001246	Triệu Trần Minh Tiến	25/12/2009	10A10	2.8	2.75	5.6	4.8	0.5	3.2	1.8	5.5							3.8	1.5	5.3	6.3	1	7.3	2.8	0.75	3.6	5.0	1	6.0	
450	001248	Huỳnh Đàm Thùy Trâm	11/11/2010	10A10	3.9	2.5	6.4	6	0.4	3.9	2.2	6.5							5.5	2.5	8.0	6.8	2.5	9.3	5.4	2.5	7.9	5.5	2	7.5	
451	001250	Tô Thị Bảo Trâm	03/10/2010	10A10	3.5	2.25	5.8	5	0.2	2.3	3	5.5							4.0	1	5.0	2.8	0.25	3.1	2.1	1.75	3.9	4.9	0	4.9	
452	001257	Nguyễn Lê Minh Tú	02/04/2010	10A10	4.1	2.25	6.4	5	0.3	3.0	1.8	5.1							6.0	2	8.0	5.8	1	6.8	3.1	2	5.1	5.3	2.5	7.8	
453	001260	Lê Đặng Ánh Tuyết	09/05/2010	10A10	4.8	3	7.8	5.5	0.2	3.0	3	6.2							4.8	2.5	7.3	4.1	1.5	5.6	4.8	2.5	7.3	5.5	2.5	8.0	
454	001264	Nguyễn Thị Cẩm Vân	03/01/2010	10A10	3.0	1.75	4.8	5.8	0.3	3.2	2.6	6.1							5.3	1	6.3	5.0	1	6.0	3.4	2.5	5.9	5.0	2.5	3.8	VPQCT
455	001266	Cao Ngọc Thanh Vy	02/10/2010	10A10	3.4	2.5	5.9	5.5	0	2.4	1.8	4.2							6.5	2.5	9.0	4.0	0.5	4.5	4.1	2	6.1	4.5	2.5	7.0	
456	001276	Lim Bao Yu	13/01/2010	10A10	2.8	1	3.8	5.5	0.3	2.7	1.6	4.6							4.1	0.5	4.6	4.8	0.5	5.3	3.3	2	5.3	5.3	0	5.3	
457	001148	Vũ Thị Quỳnh Anh	11/03/2010	10A11	1.7	1.25	3.0	5	0.5	3.3	1.8	5.6							4.8	1.5	6.3	5.3	1.25	6.6	3.9	2.25	6.2	3.6	2.5	6.1	
458	001154	Huỳnh Tấn Dũng	15/10/2010	10A11	4.9	2.75	7.7	5.3	0.2	3.0	2.2	5.4							4.8	2.5	7.3	6.3	2	8.3	4.5	1.75	6.3	4.3	3	7.3	
459	001157	Huỳnh Thành Đạt	16/06/2010	10A11	4.1	2	6.1	5	0.1	3.6	3	6.7							4.3	2.5	6.8	4.5	1.25	5.8	3.5	1	4.5	3.8	3	6.8	
460	001160	Huỳnh Minh Đăng	30/11/2010	10A11	3.9	1.75	5.7	4	0.2	3.0	2.2	5.4							3.5	1.75	5.3	4.8	2.75	7.6	5.3	2.5	7.8	4.8	2.5	7.3	
461	001161	Võ Thị Giàu	06/12/2008	10A11	2.7	1	3.7	6.3	0.3	3.5	2.2	6							5.3	1.5	6.8	5.8	1	6.8	4.5	2	6.5	5.3	3	8.3	
462	001162	Đàm Khánh Hà	01/07/2010	10A11	3.2	1.5	4.7	6.8	0.3	3.8	2.2	6.3							5.8	2.25	8.1	4.3	2.25	6.6	3.4	2	5.4	4.6	1.5	6.1	
463	001167	Lê Hoàng Trung Hiếu	07/11/2010	10A11	1.5	1.25	2.8	5.8	0.2	3.3	2.6	6.1							6.3	1	7.3	4.9	1	5.9	5.0	2.5	7.5	5.0	3	8.0	
464	001172	Nguyễn Minh Huy	11/08/2010	10A11	5.2	2	7.2	6.5	0.5	4.5	3	8							6.5	2.5	9.0	7.0	3	10.0	6.3	2.5	8.8	6.3	3	9.3	
465	001174	Trần Thị Hương	01/04/2010	10A11	1.2	1.25	2.5	6.5	0.9	2.1	0.4	3.4							3.5	1	4.5	4.0	1	5.0	2.8	2	4.8	3.3	2	5.3	
466	001175	Nguyễn Dĩ Khang	08/07/2010	10A11	2.6	1.75	4.4	5	0.3	2.0	1	3.3							2.5	0	2.5	3.9	0	3.9	4.1	0.25	4.4	3.8	0	3.8	
467	001176	Nguyễn Phúc Khang	01/01/2010	10A11	4.3	3	7.3	7	0.3	3.6	2.2	6.1							6.1	2.5	8.6	5.5	3	8.5	5.8	2.25	8.1	5.0	2.5	7.5	
468	001180	Nguyễn Phạm Anh Khoa	04/03/2010	10A11	4.8	3	7.8	5	0	2.9	2.8	5.7							4.1	2	6.1	5.3	3	8.3	6.0	2.5	8.5	5.0	3	8.0	
469	001181	Nguyễn Võ Anh Khôi	04/09/2010	10A11	3.9	1.25	5.2	5	0.2	2.3	1.4	3.9							5.3	1.5	6.8	4.0	1	5.0	2.3	1.75	4.1	4.3	2	6.3	
470	001184	Nguyễn Thị Ngọc Lan	13/03/2010	10A11	5.3	2.5	7.8	5.3	0.8	3.9	3	7.7							7.0	2.5	9.5	6.0	3	9.0	5.3	2.5	7.8	6.8	2.5	9.3	
471	001186	Đỗ Bùi Nguyễn Lâm	27/11/2010	10A11	2.2	2	4.2	4.5	0.7	4.2	2.6	7.5							5.8	0.75	6.6	5.3	0	5.3	4.3	1.25	5.6	5.8	1	6.8	
472	001189	Nguyễn Hoàng Thùy Linh	11/07/2010	10A11	3.1	2	5.1	6.5	0.3	3.0	2.4	5.7							5.5	2.5	8.0	4.1	3	7.1	3.8	2.5	6.3	5.8	3	8.8	
473	001191	Lương Ngọc Xuân Mai	17/01/2010	10A11	4.5	2.75	7.3	6.8	0.2	3.2	2.6	6							6.3	2.5	8.8	5.3	2	7.3	4.0	2	6.0	5.0	2.5	7.5	
474	001195	Đổng Trần Nhật Minh	12/05/2010	10A11	5.1	2.75	7.9	7	0.4	3.6	2.6	6.6							6.5	2.75	9.3	7.0	3	10.0	6.5	2.25	8.8	6.3	3	9.3	
475	001199	Vũ Hoàng Kim Nga	11/05/2010	10A11	3.2	2	5.2	6.3	0.4	3.0	2.6	6							6.0	2.5	8.5	5.8	2.5	8.3	4.9	2	6.9	5.3	2.5	7.8	
476	001200	Nguyễn Phùng Ánh Ngân	16/09/2010	10A11	4.3	2.25	6.6	6	0.4	3.2	2.6	6.2							6.0	1.5	7.5	4.3	2	6.3	4.0	2	6.0	4.3	3	7.3	
477	001202	Trần Gia Nghi	29/11/2010	10A11	4.1	2.25	6.4	7.3	0.3	3.5	2.6	6.4							6.3	2.25	8.6	6.5	2	8.5	5.1	2.5	7.6	6.8	3	9.8	
478	001207	Lê Trọng Nhân	26/08/2010	10A11	3.8	2.25	6.1	4.3	0.5	2.9	3	6.4							3.8	0.25	4.1	5.5	1.75	7.3	3.8	0.5	4.3	5.5	2.5	8.0	
479	001208	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	12/03/2010	10A11	4.3	2	6.3	5.8	0.2	2.6	1.4	4.2							5.6	2	7.6	5.8	2	7.8	4.0	2	6.0	4.1	2	6.1	
480	001209	Châu Phạm Bảo Nhi	01/04/2010	10A11	4.1	2.25	6.4	5.5	0.1	3.0	1.8	4.9							3.3	0.5	3.8	4.5	1.75	6.3	3.5	2.5	6.0	4.8	2	6.8	
481	001211	Hồ Trần Ý Nhi	18/01/2010	10A11	4.0	2.5	6.5	5.5	0.9	3.2	2.4	6.5							5.6	1.5	7.1	5.1	1.25	6.4	4.8	2	6.8	5.5	3	8.5	
482	001212	Lê Yến Nhi	06/05/2010	10A11	3.1	2	5.1	5.5	0.1	2.9	2.6	5.6							4.5	1	5.5	4.0	2	6.0	4.0	1.5	5.5	4.5	2.5	7.0	
483	001218	Trịnh Khánh Như	24/08/2010	10A11	3.4	1.75	5.2	3.5	0	3.0	2	5							4.8	2.5	7.3	5.3	1	6.3	3.0	2	5.0	4.0	2.5	6.5	
484	001219	Dương Tấn Phát	09/02/2010	10A11	4.4	2.25	6.7	5.3	0.1	2.9	1.4	4.4							6.3	1.25	7.6	5.5	1	6.5	3.4	2	5.4	5.3	1.5	6.8	
485	001220	Mai Vĩnh Phát	28/08/2010	10A11	3.3	2	5.3	4.5	0.2	3.0	2.2	5.4							5.8	2.5	8.3	5.3	2	7.3	4.0	2	6.0	5.0	3	8.0	
486	001224	Trần Minh Phúc	10/08/2010	10A11	5.6	3	8.6	3.5	0.2	2.7	2.2	5.1							5.1	2.5	7.6	5.3	1	6.3	4.0	1.75	5.8	3.8	2	5.8	
487	001225	Trần Văn Phúc	30/08/2010	10A11	4.6	2.5	7.1	6	0.2	3.2	2.2	5.6							3.0	1.5	4.5	4.9	2	6.9	5.8	2.5	8.3	5.5	3	8.5	
488	001229	Võ Tấn Quang	05/10/2010	10A11	3.7	1.25	5.0	5.8	0.2	3.0	1	4.2							3.9	2.5	6.4	6.0	0.75	6.8	5.0	1.75	6.8	5.3	2.5	7.8	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
489	001237	Nguyễn Quỳnh Phương Thảo	05/04/2010	10A11	3.7	1.5	5.2	6.5	0.2	3.0	2.6	5.8							4.3	2.5	6.8	4.4	1	5.4	3.5	2.25	5.8	4.3	2.5	6.8	
490	001240	Phạm Ngọc Gia Thiện	09/07/2010	10A11	4.3	1.5	5.8	3.5	0.3	3.6	3	6.9							5.3	1.5	6.8	5.4	1.25	6.7	4.0	2	6.0	4.5	1.5	6.0	
491	001243	Nguyễn Lê Trần Anh Thư	12/04/2010	10A11	3.5	2	5.5	5.3	0.1	2.9	2	5							5.1	1.5	6.6	5.5	1.5	7.0	4.3	1.5	5.8	4.1	2.5	6.6	
492	001244	Vũ Hoàng Minh Thư	16/10/2010	10A11	1.7	1.5	3.2	3.5	0.7	3.9	2.6	7.2							4.0	0.5	4.5	5.0	1.75	6.8	3.6	1.75	5.4	5.0	2.5	7.5	
493	001249	Nguyễn Thị Huyền Trâm	04/04/2010	10A11	3.9	2.75	6.7	5.3	0.5	3.5	2.6	6.6							5.5	1.5	7.0	4.9	2	6.9	4.0	2	6.0	3.4	1.5	4.9	
494	001252	Lê Minh Triết	08/06/2010	10A11	2.6	2.75	5.4	7.3	0.4	3.6	2.2	6.2							5.8	2.5	8.3	4.9	2.75	7.7	5.3	2	7.3	4.8	2.5	7.3	
495	001253	Lê Trần Thảo Trinh	18/07/2010	10A11	5.0	2.75	7.8	7.3	0.9	3.9	2.6	7.4							5.6	2.5	8.1	5.8	2	7.8	4.8	2	6.8	6.3	2.5	8.8	
496	001254	Lê Trần Thanh Trúc	02/03/2010	10A11	4.2	2.5	6.7	4.8	0.4	3.3	3	6.7							6.8	2.5	9.3	6.0	2.75	8.8	5.8	3	8.8	6.0	3	9.0	
497	001255	Nguyễn Diệp Thủy Trúc	12/02/2010	10A11	2.8	2.75	5.6	6.8	0.8	2.7	1.6	5.1							6.0	2.25	8.3	5.4	2	7.4	2.9	2	4.9	4.3	2.5	6.8	
498	001259	Lê Nguyễn Như Tuyền	23/12/2010	10A11	3.8	1.5	5.3	5.5	0.1	2.7	3	5.8							6.5	1	7.5	4.3	1.25	5.6	4.4	1.5	5.9	5.8	3	8.8	
499	001262	Ngô Mỹ Uyên	03/12/2010	10A11	4.8	2.25	7.1	4	0.3	3.6	3	6.9							6.3	1.75	8.1	5.0	1.75	6.8	4.8	2	6.8	5.8	2.5	8.3	
500	001263	Đàm Tiểu Vân	06/06/2010	10A11	3.0	1.75	4.8	7	0.3	3.2	3	6.5							5.8	2.5	8.3	5.5	2.5	8.0	3.6	2.25	5.9	6.0	3	9.0	
501	001268	Nguyễn Tường Vy	12/06/2010	10A11	4.1	1.75	5.9	5	0.3	3.8	1.8	5.9							5.5	2.25	7.8	3.1	1.5	4.6	4.2	2	6.2	5.0	2.5	7.5	
502	001271	Lê Vũ Minh Yên	09/11/2010	10A11	3.8	2.5	6.3	3.5	0.3	2.3	2.2	4.8							4.5	0	4.5	5.8	2	7.8	3.4	2	5.4	4.0	2	6.0	
503	001273	Lương Nhật Yến	22/12/2010	10A11	3.8	2.5	6.3	4.5	0.3	3.2	2.4	5.9							6.3	2.5	8.8	6.3	3	9.3	6.8	2.5	9.3	6.5	3	9.5	
504	001137	Hà Bảo An	22/02/2010	10A12	3.9	0.75	4.7	5	0.4	2.9	3	6.3							4.6	1	5.6	3.6	0	3.6	3.4	1.75	5.2	3.5	1.5	5.0	
505	001138	Nguyễn Trường An	05/10/2010	10A12	4.6	2.25	6.9	6	0.3	3.8	3	7.1							5.3	2	7.3	5.6	2.5	8.1	5.0	2.75	7.8	6.3	2.5	8.8	
506	001139	Bùi Vũ Quỳnh Anh	24/04/2010	10A12	3.4	1.5	4.9	5.8	0.4	3.0	2.2	5.6							6.3	2	8.3	6.3	2.75	9.1	6.0	2	8.0	5.1	3	8.1	
507	001140	Dương Ngọc Lan Anh	08/06/2010	10A12	4.6	2.5	7.1	6.8	0.2	3.9	2.6	6.7							6.1	2.5	8.6	6.5	2.75	9.3	5.5	2	7.5	5.5	3	8.5	
508	001143	Phạm Kim Anh	09/01/2010	10A12	4.0	2	6.0	6.3	0.5	3.0	2.4	5.9							6.0	2.5	8.5	5.3	2.75	8.1	5.5	1	6.5	6.0	2.5	8.5	
509	001145	Trần Thiệu Anh	06/09/2010	10A12	4.3	1.25	5.6	6.3	0.3	1.8	2.2	4.3							5.8	2.5	8.3	4.8	1	5.8	3.8	2.5	6.3	4.9	3	7.9	
510	001146	Trình Ngọc Bảo Anh	23/06/2010	10A12	4.1	1.5	5.6	6.8	0.5	3.5	3	7							6.5	2.5	9.0	4.8	1.5	6.3	5.8	2	7.8	5.3	3	8.3	
511	001155	Tạ Nguyễn Ngọc Duyên	10/11/2010	10A12	3.6	2.5	6.1	4.8	0.5	3.6	3	7.1							6.3	2.5	8.8	5.4	2	7.4	5.5	2	7.5	6.3	3	9.3	
512	001163	Nguyễn Khánh Hà	18/03/2010	10A12	5.0	2.75	7.8	6.8	0.4	3.6	2.2	6.2							6.1	1.5	7.6	6.0	2.5	8.5	5.5	2	7.5	5.3	2.5	7.8	
513	001168	Lữ Minh Hiếu	05/07/2010	10A12	5.8	2	7.8	5.3	0.4	3.2	2.6	6.2							6.0	2.25	8.3	5.8	2	7.8	3.0	2	5.0	5.5	2.5	8.0	
514	001171	Nguyễn Minh Hòa	06/10/2010	10A12	3.2	1.75	5.0	4.5	0.3	3.2	3	6.5							6.5	2.5	9.0	5.8	1.75	7.6	2.8	1.25	4.1	6.3	2	8.3	
515	001177	Trần Nguyễn Tuấn Khang	06/02/2010	10A12	3.1	1	4.1	6.5	0.4	3.8	2.4	6.6							6.0	2.5	8.5	4.3	3	7.3	4.8	2	6.8	6.0	2.5	8.5	
516	001179	Lê Ngọc Bảo Khanh	11/10/2010	10A12	2.2	1.5	3.7	5	0.2	3.5	2.2	5.9							5.5	2.5	8.0	6.3	3	9.3	4.4	2.25	6.7	6.0	2.5	8.5	
517	001187	Nguyễn Bảo Lâm	17/12/2010	10A12	3.2	1.75	5.0	4.3	0.5	4.2	3	7.7							6.8	2.5	9.3	5.8	2	7.8	5.5	1.5	7.0	5.3	3	8.3	
518	001188	Nguyễn Hoàng Phương Linh	16/12/2010	10A12	4.5	2.25	6.8	6.5	0.4	3.3	2.6	6.3							5.6	2.5	8.1	6.0	3	9.0	4.3	2	6.3	4.6	3	7.6	
519	001190	Phan Đức Lộc	01/01/2010	10A12	2.5	1	3.5	4	0.5	3.0	2	5.5							4.0	1.5	5.5	3.6	0	3.6	3.5	0	3.5	5.5	2	7.5	
520	001196	Trần Thị Thảo My	04/05/2010	10A12	2.4	1	3.4	7	0.2	3.6	2.6	6.4							5.8	1.5	7.3	5.8	3	8.8	3.5	1.25	4.8	6.3	3	9.3	
521	001197	Nguyễn Hữu Hoàng Nam	20/07/2010	10A12	2.8	1.5	4.3	4.5	0.5	3.8	3	7.3							4.5	2.5	7.0	3.5	2	5.5	4.0	0.5	4.5	5.5	3	8.5	
522	001198	Phạm Phương Nga	06/03/2010	10A12	5.0	3	8.0	8.5	0.3	3.6	2.6	6.5							6.3	2.75	9.1	6.5	3	9.5	6.3	2	8.3	6.3	3	9.3	
523	001201	Trần Thị Kim Ngân	27/04/2010	10A12	5.4	3	8.4	7	0.5	3.3	2.6	6.4							6.3	2	8.3	6.5	2.5	9.0	7.0	2.25	9.3	6.3	3	9.3	
524	001203	Cao Thụy Hồng Ngọc	24/02/2010	10A12	2.6	1.5	4.1	7.3	0.5	3.2	2.6	6.3							5.9	2.5	8.4	4.8	1	5.8	5.0	1	6.0	5.3	2.5	7.8	
525	001210	Dương Thị Yến Nhi	07/06/2010	10A12	4.3	2.25	6.6	7.8	0.3	3.2	2.6	6.1							5.8	2.5	8.3	5.3	3	8.3	4.0	2	6.0	4.3	2.5	6.8	
526	001213	Lý Ngọc Thảo Nhi	13/05/2010	10A12	2.8	1.5	4.3	5.8	0.4	3.5	3	6.9							6.3	1.5	7.8	5.3	2	7.3	4.5	1.5	6.0	5.3	2	7.3	
527	001215	Lê Võ Yến Như	07/09/2010	10A12	2.0	1	3.0	5	0.1	3.0	1.8	4.9							6.3	2.25	8.6	4.6	3	7.6	4.1	2	6.1	4.9	2.5	7.4	
528	001221	Nguyễn Tấn Phát	04/06/2010	10A12	3.6	2.5	6.1	6	0.4	3.8	2.6	6.8							6.3	2.5	8.8	6.3	2.25	8.6	5.4	2.25	7.7	6.5	2.5	9.0	
529	001222	Võ Minh Phú	15/12/2010	10A12	3.5	1.25	4.8	4.5	0.4	3.5	2.6	6.5							5.3	2.5	7.8	4.3	0.5	4.8	3.4	1.5	4.9	5.0	2.5	7.5	
530	001226	Nguyễn Minh Phước	02/08/2010	10A12	3.5	2.75	6.3	6.3	0.4	3.2	2.6	6.2							6.3	2.5	8.8	5.3	2	7.3	5.5	2.75	8.3	6.0	3	9.0	
531	001227	Ngô Nhật Quang	01/02/2010	10A12	4.5	1.5	6.0	6	0.2	2.4	1.2	3.8							6.3	1.5	7.8	6.0	2.75	8.8	5.5	1	6.5	5.8	2.5	8.3	
532	001228	Võ Hào Quang	07/04/2010	10A12	3.9	2.5	6.4	6.8	0.3	2.4	3	5.7							6.0	1.25	7.3	5.3	1.5	6.8	5.3	1.5	6.8	5.8	2.5	8.3	
533	001230	Phan Thị Như Quỳnh	17/04/2010	10A12	3.7	1.75	5.5	3.5	0.5	3.8	2.2	6.5							4.8	2.5	7.3	4.5	3	7.5	3.0	2	5.0	5.4	2.5	7.9	VPQCT
534	001231	Đặng Ngọc Hoàng Sang	19/12/2010	10A12	1.6	0.75	2.4	3	0.5	3.5	2.2	6.2							4.9	1.5	6.4	3.9	2	5.9	3.0	0	3.0	4.0	1.5	5.5	
535	001232	Nguyễn Quốc Sum	05/02/2010	10A12	3.0	1.75	4.8	5	0.2	3.3	1.8	5.3							5.4	0.5	5.9	3.6	1	4.6	3.4	0.5	3.9	4.3	2	6.3	
536	001233	Lê Bùi Minh Tâm	16/10/2010	10A12	4.0	2.25	6.3	5.5	0.6	5.3	2.6	8.5							6.1	2.5	8.6	7.0	2.5	9.5	3.5	2	5.5	6.8	3	9.8	
537	001235	Dương Khắc Thành	25/09/2010	10A12	3.2	2.75	6.0	5	0.4	3.3	3	6.7							6.8	1.5	8.3	6.0	0	6.0	4.8	0.75	5.6	5.5	2	7.5	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
538	001241	Nguyễn Hoài Thịnh	01/10/2009	10A12	3.6	1.75	5.4	5.8	0.4	2.9	3	6.3						5.8	1.5	7.3	6.0	2	8.0	3.4	2	5.4	6.3	3	9.3		
539	001247	Nguyễn Thị Yến Trang	31/03/2010	10A12	3.5	2	5.5	6.8	0.4	2.7	2.6	5.7						6.5	2.5	9.0	6.0	2.5	8.5	5.0	2.25	7.3	7.0	2.5	9.5		
540	001251	Đặng Minh Triết	21/05/2010	10A12	3.2	1.75	5.0	5.8	0.1	3.3	1.6	5						6.5	2.25	8.8	4.0	1.25	5.3	4.0	2.5	6.5	3.8	2	5.8		
541	001256	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	12/05/2010	10A12	4.7	3	7.7	6	0.3	3.0	3	6.3						6.5	2	8.5	6.3	2	8.3	4.9	2.5	7.4	6.3	3	9.3		
542	001258	Nguyễn Hoàng Minh Tuấn	16/11/2010	10A12	2.0	0.75	2.8	3.5	0.4	2.9	2.6	5.9						2.9	1.5	4.4	3.3	1.25	4.6	3.0	1	4.0	3.8	2	5.8		
543	001261	Đào Ngọc Phương Uyên	25/08/2010	10A12	5.0	2.75	7.8	7.5	0.2	3.3	2.2	5.7						6.3	2.5	8.8	5.8	1	6.8	5.0	2	7.0	5.3	2.5	7.8		
544	001265	Trịnh Thanh Vị	21/03/2010	10A12	4.0	2	6.0	4	0.2	3.8	2.6	6.6						2.5	2	4.5	4.8	0.75	5.6	3.0	2	5.0	4.8	2	6.8		
545	001267	Đỗ Tường Vy	30/07/2010	10A12	2.4	1.75	4.2	7.3	0.4	3.9	1.6	5.9						6.3	1.5	7.8	4.3	1.5	5.8	3.3	1.25	4.6	5.0	1.5	6.5		
546	001269	Phạm Xuân Vy	03/03/2010	10A12	3.0	2	5.0	5	0.6	2.9	1.6	5.1						6.1	2.25	8.4	3.8	1	4.8	4.5	1.75	6.3	4.5	2.5	7.0		
547	001270	Nguyễn Ngọc Như Ý	07/12/2010	10A12	4.2	2.25	6.5	6.5	0.2	4.1	3	7.3						6.5	2.5	9.0	6.3	3	9.3	5.5	2.25	7.8	5.5	2.5	8.0		
548	001272	Lương Hải Yến	13/08/2010	10A12	4.6	2.25	6.9	5.8	0.5	3.9	2.2	6.6						6.3	2	8.3	5.4	3	8.4	4.5	2	6.5	4.5	2.5	7.0		
549	001274	Nguyễn Ngọc Yến	21/07/2010	10A12	3.2	2	5.2	6.5	0.3	3.0	2.6	5.9						5.5	2.5	8.0	4.3	0	4.3	4.5	2.25	6.8	4.3	2.5	6.8		
550	001275	Tiêu Thị Kim Yến	13/05/2010	10A12	2.9	1.75	4.7	6.8	0.4	2.9	2.8	6.1						5.9	2.5	8.4	5.8	3	8.8	5.3	2.5	7.8	6.5	2	8.5		